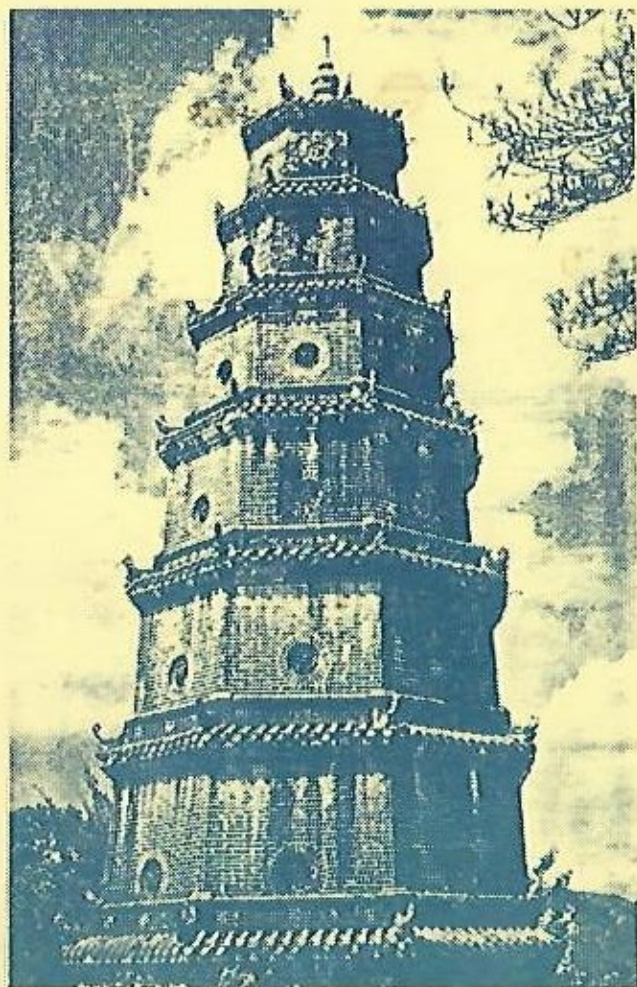


Đặc San

VIÊN GIÁC



*Số 06
tháng 12. 1980*

CƠ QUAN NGÔN LUẬN, THÔNG TIN, LIÊN LẠC CỦA
SV và KB PHẬT TỬ VIỆT NAM tại C. H. L. B. ĐỨC



LỜI ĐẦU



Trong suốt 2 năm qua Ban Biên tập Đặc San Viên - Giác đã cố gắng liên tục để hoàn thành sứ mạng của mình là mang niềm tin và hơi thở của Phật Giáo đi sưởi ấm lòng người con Phật đồ đây, qua 6 số báo tiếng Việt và 2 số báo tiếng Đức - với một nội dung vẫn còn nghèo nàn, hạn hẹp, nhưng chúng tôi luôn mong mỏi rằng: sự đóng góp đó không nỏ ngoài công vô ích, mà ít ra Đặc San cũng đã giúp quý vị Phật Tử cũng như không Phật Tử có một cái nhìn nào đó đối với Phật Giáo, nhất là trong giai đoạn lịch sử này.

Trong khi số báo Xuân đang dương lịch này lên khuôn thì chúng tôi nhận được một tin buồn khôn tả. Đó là Hòa Thượng Thích Thiên Ân đã viên tịch tại Los Angeles (Mỹ) ngày 24.11.80 vừa qua và lễ di quan sẽ cử hành ngày 29.11.80 tại chùa Phật Giáo VN Los Angeles.

Hòa Thượng là một trong những vị lãnh đạo tinh thần tối cao của Giáo Hội Phật Giáo Việt - Nam Thống Nhất ở trong cũng như ngoài nước. Hòa Thượng cũng là một trong những vị Tiên Sĩ Phật Giáo Văn Học của người Việt Nam đầu tiên tại Nhật - Bản.

Hòa Thượng ra đi để lại cho đàn hậu học một tấm gương sáng ngời trong việc bảo tồn cũng như phát huy văn hóa tại xứ người, nhưng đồng bào PT Hai ngoại đã mất đi một vị minh sư khả kính, suốt đời đã tận tụy hy sinh cho Quốc Gia, Dân Tộc cũng như Đạo Pháp.

Chúng ta nguyện cầu cho Giác Linh của Hòa Thượng sớm cao đăng Thượng Phẩm, hồi nhập Ta Bà để hóa độ quần sanh.

BAN BIÊN TẬP ĐẶC SAN VG

HIỆP CHƯỜNG

của Thầy mình về các lễ nghi. Cho đến lúc đó Nhật Bản chưa có tiêu chuẩn - cho việc lễ pháp nào cả. Căn cứ theo uy nghi tác pháp Thiên của Bách Trưng Thanh Quy mà giai cấp Vũ Sĩ người Nhật Bản Tiêu-Trúc Nguyên Lưu đã đặt ra, thành lập trong thời kỳ Giang Hộ. Mặc dầu sau này có chia ra những chi nhánh nhỏ nhưng vẫn được xác nhận đặc biệt của lễ nghi tác pháp này.

Ảnh hưởng của Thiên được bắt đầu từ đời Giang Hộ trong việc tinh toa hay lúc ngủ dậy, rửa mặt, đi ngủ, ăn cơm, lễ bái v.v... Hơn thế nữa sự sinh hoạt của người Nhật Bản được gắn liền với Thiên và cũng được thay đổi một ít.

Thiên được gọi là bất lập văn tự (không dùng đến chữ hoặc giáo ngoại biệt truyền (không truyền từ bên ngoài). Trong các sinh hoạt của Thiên miếu văn chương khó có thể biểu hiệu mà những động tác bằng hơi thở, bằng mũi hoặc sự điều hòa của lưỡi được biểu hiệu nhiều hơn.

Huệ Chiêu ngữ lục trong "Lâm Tế Lục" có viết như

sau:
 Tăng hỏi:
 "Đại ý của Phật Pháp là gì?"
 Sư đáp:
 "Hãy đưa lưng đây cho ta đánh".
 Đệ Tử hỏi đại ý của Phật Pháp mà Huệ Chiêu đòi lấy gậy để đánh đệ tử, như vậy Thiên không trả lời những câu hỏi trực tiếp mà những câu hỏi ấy chạy trốn thực tại. Đó chắc phải là điều đùa giỡn mà là sự thanh-khiết của Thiên vậy.

Trên phương diện lịch sử văn học thế giới, lối thơ ngắn (Haiku) làm bằng những bài ca của Nhật Bản có ảnh hưởng của Thiên rất nhiều.

Những Thiên Tăng Trung - Quốc hay làm thơ chữ Hán bằng kiến thức của mình, nhưng Thiên Sư Nhật Bản cũng học những thi hện này. Những vị Tăng của Thiên Tông lúc chết thường hay để một lá cờ trước mặt có viết những thi kệ. Đó là những tập tục còn sót lại cho đến ngày hôm nay.

Tứ ngôn và thất ngôn tuyệt cú của chữ Hán thật ngắn và được đổi lại bằng những bài đoản ca. Trước đó Nhật Bản thường có

những bài trường thơ và định đầu ca, nhưng những hình thức này đã bị mất tự lúc nào không ai biết được mà chỉ thấy Haiku là một thể thơ ngắn xuất hiện sau đó trong văn-học Nhật Bản mà thôi. Thiên là biểu hiện cho sự thanh cao và Đoàn ca hay Haiku được chôn - chất từng chữ từng chữ lên nhau giống như công phu của những kẻ tu Thiền vậy, càng ngày càng phải điều luyện là điều tất yếu quan trọng.

Các Thiền Tăng Đại Diện và Phật Đảnh chùa Viên-Giác đã có nhiều cuộc giao thiệp và có những câu thơ tuyệt hảo còn sót lại đến ngày hôm nay như sau:

"Ao xưa ếch nhảy tiếng nước reo" và Phật Đảnh đã hỏi lại là:
"Phật Pháp lúc chưa có thì như thế nào?"

Thiền Tăng Tào Động Tô cũng vừa là thi nhân như Lương Khoan sau 22 tuổi xuất gia học đạo, chuyên cần tu thiền và tiếp tục du hành "Vân thủy hành - cước", mãi cho đến ngày nay cũng còn lưu lại nhiều thơ kệ, đoàn ca và nhiều danh tác khác.

Con nhớ đại cầm tay nhau trên vạn lý,
Chơi ngày Xuân đầu trời xâu cứng đi.
Đó là những câu thơ biểu hiện thi cảnh và lòng từ ái của thi nhân. Và đó cũng là tâm hồn của một Thiền Sư vậy.

THIÊN VÀ VĂN HÓA(2)

Chủ "Thiền tông tự viện" Zenshū Jiin "thường dùng nó trùng với âm chữ Tuyền "Zen" là nước suối. Có nhiều người đã lầm và đã gọi là Tuyền tông tự. Tư thí dụ như này ta có thể thấy nước là một vấn đề quan trọng có liên hệ mật thiết với chùa - thiền. Có suối nước chảy thì có ao hồ, có nước thì có cây cối mọc. Khi có cây cối thì vườn tược được thành hình. Đó là những điều kiện tất yếu. Do đó cho nên trong các chùa Thiền luôn luôn có những vườn cây cảnh. Đó không phải là tượng trưng cho sự yên lặng nhân rồi mà vì tư Thiền nên vườn tược mới biểu hiệu cho sự tu ấy vậy.

Ngũ Sơn và Thập Sát của Lâm Tế Tông là những tên đề gọi 10 cảnh trong ch

chùa như núi, sông, đá, v.v. Đây là những cảnh Thiên có liên hệ với thiên - nhiên.

Chùa chiền của Lâm - Tế tông có vẻ trang nhã và đẹp trong khi đó chùa của Tào Động tông thì không thể so sánh bằng. Điều đó cũng dễ hiểu là Lâm Tế Tông một thời đã nhờ các tay quyền lực - của triều đình Kamakura và Bakkufu, nên việc trang trí trở nên tráng lệ, còn Tào Động Tông thì ngược lại.

Nữ Hoàng Elisabeth đã thăm viếng chùa Long An Tự ở Kyoto, lúc đến thừng ngoạn vườn đá của chùa đã thán phục và khen tặng. Trong lúc Tây phương làm vườn thường hay tỉn h theo số học, đó là nguyên tắc chánh. Cứ cách 15 hòn đá thì một cây được trồng, thử hỏi một cái vườn chật bày trí như thế nào mới đẹp mắt?

Những đá nhỏ chẵn giữa đá lớn là cách bài trí của người Đông Phương - theo sự điều hòa cảm của họ, ngoài ra không có cách gì hơn nữa nên Nữ Vương đã giật mình là phải.

Ở trong tập "Tác đình ký" có ghi như sau: "Đá được sắp theo đá gốc và những cục đá tiếp theo cứ dựng liền tục mà thành".

Cục đá là vật không tâm nhưng người tạo dựng nên nó là tượng trưng cho sự tồn tại của tánh Phật. Đó đó cho nên người làm vườn cũng phải có Thiên tâm - thì tạo vườn mới có màu sắc của Thiên.

Trong thư viện hay trước bàn Phật, sự bày trí hoa là một nghệ thuật có từ thời Heian (Bình An) và đây được xác nhận là ảnh hưởng của Thiên.

Cách cắm hoa và dâng hoa được biểu hiệu qua sự truyền miệng từ người này qua người khác, nhưng đó là thiên nhiên tự tánh - của Thiên và đó là sự khởi xuất tư tưởng của Thiên trong hành động vậy.

Đặc biệt trà đạo của Nhật Bản cũng được phát triển và đó cũng là một chuyên hướng của Thiên.

Ở tại Trung Quốc ngày xưa tục uống rượu đã trở thành tệ hại nên các Thiên Tăng

mới bày ra cách uống trà và trà là công đức của mọi người. Trà được du nhập vào Nhật thời Thiên Đình Tây truyền sang. Th Thườ bây giờ cũng có sách viết chỉ dạy cách uống trà như "Khiết trà dưỡng sanh lý".

Khi khách đến chùa Thiên thì được mời trà, nhưng , trà của các chùa Thiên ở Nhật được mới là một loại trà bột được cán ra, cho vào trong chén uống với nước đun sôi. Để thay thế lời trà của Trung - Hoa được truyền sang từ đời Tống.

Ở Trung Quốc có Bách - Trưng Thanh Quy, ở Nhật có Vĩnh Bình Thanh Quy , Bảo Sơn Thanh Quy. Trong các sách vở nói về quy - luật của các chùa Thiên thường gọi là Tiêu Diệm Pháp và uống trà là một trong những lễ nghi được định sẵn. Trong Bích Nham Lục có kể một chuyện như sau:
"Thích Tôn đã dạy như thế nào?"
Trà lời:
"Hãy dùng trà đi"

Người được nhận trà , kẻ uống trà là một vị không

có gì thay đổi. Đây là Trà Thiên như vị (chỉ một mùi)

Vị Tổ Sư của trà đạo là - Châu Quang đã có viết rằng: "Sức nóng của trà là xuất phát từ Thiên Tông, trở thành vị Tăng chơn chánh."

Một ly trà là kết hợp với Thiên, trong gia đình ngoài xã hội, mỗi sự động tĩnh đều nhờ ảnh - hưởng của Thiên mang đến và đó là điều kiện căn bản của văn hóa Nhật Bản.

DANH TỬ THIÊN:

Trong các chùa Thiên hay trong các Đạo Tràng thứ hay nghe những danh - tử lạ. Đó là những tiếng Trg Hoa đọc âm Nhật, mãi cho đến bây giờ vẫn còn dùng.

Cảnh Sách: Trong lúc tọa thiền không được ngủ gục, kẻ ngủ gục bị đánh bằng gậy và khi muốn được đánh để cảnh sách thì phải chấp hai tay lại để yêu cầu.

Hành Bát: Là việc ăn uống là được ăn của cúng dường. Công việc làm nghiêm -

nhật. Trong lúc ấn ôn ào hoặc còn để sót lại bị cầm tuyệt đối. Trước và sau khi ấn phải tụng - niệm.

hành đem hơi vị sư trưởng, nhưng thông thường được thực hành là sau buổi tụng kinh sáng. Đối nghĩa với Tiểu Tham có Đại Tham.

Công Ấn: Trong lúc ngồi Thiền Sư trưởng sẽ cho những Thiền sinh một vấn đề để tự giải đáp. Lâm Tế Tông hay dùng hình thức này.

Chân Linh: Lúc ngủ dậy hoặc lúc đi ngủ của kẻ tu hành phải được báo thức, khi tiếng trống kiếng kêu lên gọi là chân linh.

Tại gia: Tại gia là những tín đồ Phật Giáo ở tại nhà chứ không ở chùa như Tu Sĩ.

Độc Tham: Sự tham cầu Phật Pháp của từng cá nhân một đối với vị sư trưởng.

Tác Vụ: Trong Thiền Tông chịu ảnh hưởng của Bách Trượng "một ngày không làm một ngày không ăn", nên rất tôn trọng chuyên làm việc. Ngồi Thiền cũng là một công việc làm vậy.

Ngủ cố: Là cái bạng gỗ có hình cá. Cái mõ cũng có hình cá chạm nổi. Tục truyền rằng ban đêm cá không ngủ nên người tu không thể thua cá được mà phải tỉnh tấn tu hành, nên phải dùng đến tiếng mõ.

Trục đường: là nơi Toạ Thiền, tu hành của những người có nhiệm vụ trong việc cảnh sách.

Pháp giới định ấn: Đó là cách ngồi Thiền hai tay đầu vào nhau như lúc Thế Tôn thành Đạo.

Xoa thủ: Khi tiến đến trước Phật hoặc khi gặp khách hai tay chắp lại gọi là xoa thủ.

Vấn Thủ Bồ Tát: Giữa Thiền Đường thường hay để tượng Ngài. Ngài là một vị Thánh Tăng tượng trưng cho trí tuệ.

Tiểu tham: là những vấn đề nghi vấn của người tu

Đa Toạ: Toạ Thiền lúc ban đêm. Sau khi toạ Thiền là giờ đi ngủ.
Lâm Hãn: Chỉ cho việc đi tắm
Nhạ ấn, chớ tiểu tiện, mỗi nhà tắm được gọi là "tam - mặc đạo tràng".
(còn tiếp)



Ngon Bắc Hoay Chiếu

— Mai Vi Phúc —



(...) Thế nhưng nổi khuất nhục ấy, đồng thời, cũng là điều đáng ngại nhất nơi những người theo chủ nghĩa Mác Lê. Nó chính là tiềm lực cho sự trở thành của các chế độ Cộng Sản, khiến họ thực hiện được những cuộc trường chinh qua thời gian. Mười năm hoạt động tiếp cận với các cán bộ trí vận đô thị và gần năm năm sinh hoạt hẳn với những người trí thức Cộng Sản đã khiến Thụy kiên định thêm nhận xét của mình. Anh hiểu không phải chính mỗi hủ vinh kia đã làm cho các chế độ Cộng Sản tồn tại. Những người công nhân, nông dân nghèo chính sự lao động và xương máu của họ làm nên lịch sử loài người. Họ không thể hiểu được rằng đằng sau mỗi hủ vinh của họ là nụ cười quái ác của những người trí thức Cộng sản, nụ cười được nén lại thành nổi khuất nhục trên trán nhứt mà con người có được.

- Anh dùng nước đi chứ... Tuyên mới và cách khoảng

giữa hai ngụm nước, Thụy nhìn vội ra ngoài khung cửa sổ. Đêm đã hoàn toàn. Đêm tháng mười thường về sớm với những cơn gió thoáng lạnh bao giốc cũng làm Thụy nhớ lại những đêm của một thời đã cũ: nổi hun hút của một thành lang vắng lạnh và những tiếng chân bước lẻ ngán ấy sự quạnh hiu.

- Thật ra không phải đến bây giờ tôi mới tìm hiểu về Phật Giáo. Tôi nhớ trước ngày tôi vào chiến khu đã có một cuộc tranh luận trên báo giữa Nguyễn Văn Trung với một người tôi không nhớ tên, về Phật Giáo. Tôi bắt đầu quan tâm từ đó.

- Chắc anh muốn nói tới các bài của Dương Minh trên Nhân Loại và Nguyễn Văn Trung trên tạp chí Đại Học. Các bài đó chỉ nói lên sự khác biệt giữa hai quan niệm. Quan niệm Phật Giáo theo như một tín đồ Phật Giáo và

quan niệm Phật Giáo xuyên qua nhận thức của một tín đồ Thiên Chúa giáo.

- Tôi không nhớ nội dung cuộc tranh luận. Tôi chỉ nhớ hình như cuộc tranh luận bị bỏ dở nửa chừng.

- Anh nói đúng. Nguyễn Văn Trung có đề nghị một buổi tranh luận nhưng đề nghị đó không được hưởng ứng. Có lẽ Dương Minh nhậ n thấy sự hiểu biết của Nguyễn Văn Trung về Phật-Giáo còn vướng nhiều định kiến để thảo luận.

Thuy cố ý nói thật rõ những chủ sau cùng để Tuyên hiểu rằng cuộc thảo luận nào cũng đều kêu gọi một sự cân bằng về thiên chí và nhất là mức - độ hiểu biết. Tuyên khước từ giá trị các bộ luận. Điều đó chỉ khiến Thuy tò mò. Nó không đủ để Thuy cần thiết một cuộc thảo luận. Anh hỏi:

- Theo anh, các bộ luận không thể đưa người đọc tới được chân lý của Đạo Phật...

- Không - Tuyên đáp vội.

Tôi không hề có ý muốn nói như thế. Tôi chỉ ngụ ý muốn nói luận là sự cập nhật phân vô vi của Phật Giáo. Nó không còn hợp thời nữa. It ra cũng đối với những người như chế tôi.

- Những gì, theo anh, đã không còn hợp thời nữa?

- Cách biện luận. Nó thiếu tính khoa học. Có thể nói cách biện luận ấy thiếu cơ sở phạm trù. Hiện tại khoa học kỹ - thuật đã tiến quá xa. Lý trí con người chỉ quen với những gì đã được khu biệt hẳn hoi.

- Như giữa vật chất với tinh thần, vô sản và tư bản hay, rõ rệt hơn, như bạn với thù...

- Đúng thế. Nên bạn này tôi có nói sự giáo - dục những người tiềm nhiễm - tư tưởng Thiên đòi hỏi thời gian.

Thuy bắt đầu cảm thấy chán nản. Anh biết rằng có đây xa cuộc tranh - luận, cuối cùng cũng chỉ đi tới sự bế tắc. Tuyên -

thuộc về số những người muốn tìm hiểu Phật-Giáo bằng mở trí thức nhị nguyên mà con người cần phải hủy diệt để làm vỡ ra chân lý Đạo Phật. Đã quen với cách suy nghĩ t thâm nhuần tính chính-trị, Tuyên khó lòng quan niệm một chân lý chỉ đạt tới được bằng sự hủy diệt cái ngã của chính mình. Vì người Cộng Sản bao giờ cũng qui hướng sự hủy diệt về phía người khác, theo chủ trương cố hữu, bên này là bạn bên kia là thù. Thụy thấy đã đến lúc cần "xoay chiều ngọn bấc" để kết thúc.

- Anh vừa nói cách biện luận của các bộ luận Phật Giáo thiếu cơ sở phạm-trù. Tôi có thể trình bày một nhận định hơi khác phân nào không? Thụy đặt hỏi.

- Được- Tuyên nói giọng coi mở - tôi có nói là tôi muốn thảo luận với anh về Phật Giáo.

- Tôi nhớ Chế Lan Viên có làm hai câu thơ: "Talaai? Cậu hỏi hư vô thối nghìn nên tất. Ta vì ai? sẽ xoay chiều ngọn bấc". Chúng ta có thể cơ sở trên hai câu thơ này để thảo luận.

Theo tôi tất cả sự khác biệt giữa Phật Giáo và ý thức hệ Mác Lê nằm trong hai câu thơ ấy của Chế Lan Viên. Người tín - đồ Phật Giáo bắt đầu cuộc hành trình đi tới chân lý của mình bằng câu hỏi "Ta là ai?" và không hề quan niệm như Chế - Lan Viên đó là một câu hỏi hư vô sẽ khiến trở thành hoài công nội xạ xuyên siêu hình về chốn ngã. Và họ sẽ không vội hành động "vì ai" cho tới bao giờ thật sự thế - nghiêm được "ta là ai?".

Thụy ngưng nói quaysang Chi:

- Chi đã đọc xong tập truyện Áo tưởng rồi chưa?

- Còn hai chuyện. Anh cần lấy lại sao?

- Không. Bao giờ đọc xong Chi nhớ mang tới anh Tuyên - quay sang Tuyên. Trong tập truyện ấy có một bài của Nhất Hạnh. tựa: Cửa Tùng đôi cánh - gái. Văn đề dân thân của người Phật Tử được đặt rõ trong chuyện ngắn ấy.

- Có nghĩa là người Tín đồ Phật Giáo cần phải

chờ đợi bao giờ biết được chơn ngã của mình rồi mới đánh đuổi kẻ xâm lăng? Tuyên hỏi, giọng có phần gay gắt.

người Phật tử có tính cách vô thủy vô chung.

- Không. Không hề như vậy. Người Phật Tử không hề khu biệt cái chơn ngã riêng ở nơi chính mình. Do đó họ không hề vắng mặt trong bất cứ một cuộc đời trị nào - nhằm hủy diệt những hành vi che mờ chơn ngã. Xâm lăng là một trong tám mươi bốn ngàn cách biểu - hiệu của ba chương ngại lớn - tham, sân, si - che mờ chơn ngã. Có điều là khi hành động như vậy, người Phật - Tử, tôi muốn nói những người thâm nhuần tư tưởng Thiên, không hề nghĩ rằng mình đã hành động "vì ai". Đã không còn có sự riêng, chung, lấy đâu còn đời sống để vọng hướng.

- Như vậy có thể nói Phật Giáo là một loại hư - vô chủ nghĩa, đi mà không biết để đến đâu.

Thụy nhận thấy sự ước đoán của mình là đúng. Nếp tư duy của Tuyên đã nhuộm - đậm màu sắc nhị nguyên. Không thể trong một khoảng thời gian ngắn ngủi khiến Tuyên đạt tới một sự hiểu biết bằng cách khước từ nếp tư duy cô hữu. Và điều này cũng giúp Thụy giờ đây hiểu rõ tại sao Tuyên phủ nhận giá trị các bộ luận. Tôi nghĩ có lẽ tôi nên trình bày vấn đề một cách khác để giữa chúng - ta để có sự cảm thông hơn. Người Cộng Sản không đạt thành, ở số khởi, câu hỏi về bản thể của con người và quan niệm con người là một thực thể đang tiến - hoá. Người theo chủ nghĩa Mác là người định hướng - một cách tích cực sự tiến hoá kia. Hành động "vì ai" này người Cộng Sản gọi là sự giải phóng. Và "xoay ch chiều ngọn bấc" hướng ra bên ngoài để sáng lên thành ngọn lửa sẽ thiêu hủy trên đường đi những - sự đối kháng mà người CS gọi đó là sự phản động. Để biện luận người CS có

- Đã không còn có sự riêng chung như anh vừa nói - Tuyên hỏi vặn - tại sao còn phân biệt hai giai đoạn cho một cuộc hành - trình. Tại sao cần phải trải qua giai đoạn "ta là ai" trước khi đi nốt đoạn đường "ta vì ai?" còn lại.

- Tôi không có nói là sẽ có một đoạn đường cuối, cả cuộc hành trình ấy c u a

tử ngữ mã anh gọi là có-
sớ phạm trừ.

Tuyên chặn lại.

- Tôi cần phải lưu ý anh
lã có sớ phạm trừ củachủ
nghĩa Mác không hề c ó
tính cách siêu hình để
có thể lăm một cuộc so -
sánh.

- Tôi không so sánh. Bởi
vì Phật Giáo phủ nhận có
sớ phạm trừ của siêu hình
học Tây phương. Phật Giáo
không bắt đầu bằng cách
đặt ra những phạm trừ cho
trí năng tư đồ hình dung
những phạm trừ của hữu -
thể để cuối cùng lý luận
về bản thể của con người.
Phật Giáo không sử dụng
con đường ấy để thê nghiệm
bản thể của con người mà
họ gọi là chơn ngã. Do đó
Phật Giáo không hề có một
siêu hình học hiểu n h ư
siêu hình học Tây phương.

- Nhưng những gì anh vừa
nói có liên hệ gì đến vấn
đề chúng ta cần thảo luận.

- Có. Tôi muốn giải thích
lý do khiến thành sự ngộ
nhận theo đó cách biện -
luận. Phật Giáo thiếu cớ

sớ phạm trừ.

- Tôi đã hiểu phần nào
những gì anh muốn nói .
Tôi muốn hỏi thêm như vậy
làm thế nào để con người
nhận thức được bản thể,
tức chơn ngã của mình.

- Không phải nhận thức mà
là thể nghiệm chơn ngã.

- Nhưng làm thế nào để
thể nghiệm chơn ngã ấy ?

- Tôi có nói xam lằng là
một trong tám mươi bốn -
ngàn cách biểu hiệu của
ba chương ngại lớn. Có tám
mười bốn ngàn cách biểu
hiệu của tham sân si; do
đó có tám mươi bốn ngàn
cách đời trị để thể nghiệm
chơn ngã. Tám mươi bốn ng
ngàn đường đi. Đến đây c
chúng ta có thể hiểu được
tại sao người Phật - Tử
cần phải "thể nghiệm" ta
là ai?" trước khi có những
hành động "vì ai?" Và tội
nghĩ chỉ có như vậy mới
tránh được sự bức đoạt
tinh thần.

- Sự bức đoạt nào a n h
muốn nói? Tuyên hỏi.

- Sự tự do chọn lựa của
người khác.

Thụy nhân thấy đã đến lúc không còn phải dè dặt nữa. Đã đến lúc cần phải mớm vào Tuyên đôi nệp gọn khác hẳn những nệp tư duy cổ-hữu của anh. Thụy không hề có ảo tưởng nó sẽ một sớm một chiều "xoay chiều ngọn bấc" vào lại trong Tuyên. Nhưng anh biết rằng không hề có một âm thanh nào sẽ tắt hẳn trong sự thắm thắm vô cùng của thời gian. Nhút là một khi những âm thanh ấy ẩn tàng một chân lý vĩnh cửu, không còn vẫn lên một lớp bụi vô - minh nào. Cũng sẽ ẩn náu đâu đó

trong sự tự do củangười khác khi thể nghiệm được rằng không chỉ có một con đường để đạt tới chân lý. Và sự thể nghiệm này sẽ giúp chúng ta không rơi vào trong sự mâu thuẫn sắt máu: Phục vụ con người bằng lòng thù hận con người.

Tuyên cười:

- Theo anh có một cuộc giải phẫu nào để cứu mạng một con bệnh mà bàn



trong Tuyên để một lúc nào đó trong sự bế tắc cùng tột của trí thức n h i - nguyên, những âm thanh ấy sẽ bùng vỡ thành ánh sáng Thành chơn ngã tiềm tàng n nơi mỗi chúng sanh.

Thụy nói:

- Người ta chỉ có thể tôn

tay Bác Sĩ lại không vấy máu.

- Không hề có. Nhưng máu không vấy lên tâm hồn k vị Bác Sĩ khi cứu mạng người. Điều này khiến chúng ta hiểu được làm thế nào vua Nhân Tôn, một Thiên sư, đã nhuộm đợ sớ Bạch Đằng, bẻ máu của người Mông Cổ, với 1 tâm hồn thanh tịnh như một Thiên Sư....

THO' _____

Chiều hội gió

- Mai Vi Phúc -



Hình như ai thấp trong không gian
Những cột khói lam chiều đã tàn
Hay chính chiều nay chiều hội gió
Ngàn muôn trận gió của thời gian.

Nao nao gió đã tự ngàn xưa
Thổi ngát trùng dương rộng mây tờ
Rong thuyên tôi đã muôn năm trước
Đuối những hoàng hôn vệt nắng tà.

Nào biết nhân gian tràn gió bụi
Cuồng phong mù mịt muôn vỏ câu
Ngựa về tiếng nhạc buồn thê thiết
Hiu quanh bên trời năm cỏ khâu.

Đã nổi lòng tôi trăm trận gió
Chiều nay êm lắng tựa hồ thu
Chim sâu những nỗi niềm xưa cũ
Một thướt tay chao sóng rượu sâu.



Tự Thú

Ta đã sống qua những ngày già đời:
Tinh chưa nhen đã vội nổi thương người!
Treo trái hồng ngọt xót giữa vành môi,
Lời nồng bỏng mà tim thối băng giá...

Ta đã lời lố bao lần mặc cả,
Sức hơi môn đời chác kiếp phù sinh.
Cái bụng tròn mỡ chôn vạn sinh linh:
Lấy máu thịt đường nuôi ngày khôn lớn.


Ta đã nuông chiều bao nhiêu ảo tưởng,
Đua đòi sớm chiều mây chôn phồn hoa,
Thân phù du cháy bỏng cả làn da,
Cũng quần quai lấn xả vào lửa đục!

Ta đã qua nhiều bên bờ trong đục
Rửa mặt trần rồi son phấn điểm trang.
Ham công danh, hạo nhà cửa bạc vàng,
Đem lý tưởng đời lây ngày nó âm.

Ta chợt tỉnh sau nhiều phen lặn dạn
Tự hỏi lòng, đời có thể thối ư?
Có nghĩa gì, thêm mấy chục năm dư
Mà xông xáo bên ba đường danh lợi!

Ta sẽ làm gì những ngày sắp tới,
Khi má hồng thối thắm, tóc thối xanh,
Khi tất hời là chết hay tái sanh,
Chúa Phật dạy những thiên đường địa ngục!

Càng suy nghĩ ta lại càng rợn óc,
Sống chưa xong mà đã sợ chết rồi!...

Đặng Trinh Wallenstätter 

BẤT LỰC

Đời sống như lao tù,
Áo cơm như mỗi nợ,
Chiều giường như thuốc mê,
Ta như người ngái ngủ!

Thở thân vào lại ra,
Nghĩ sinh lâm thế giới!
Biết mai rồi về đâu,
Khắc khoải hoài mong đợi.

Ngày tháng như thoi đưa,
Người ta thường bảo thế,
Nhưng sao thấy lê thê,
Một chuỗi dài lụy hệ!

Muôn tu mà không xong,
Thôi thì làm cư sĩ.
Nhưng vẫn mãi hỏi lòng:
Đời sao mà chán thế!

Hết làm rồi lại ăn,
Hết ngủ rồi lại thức,
Bám víu vào mảnh bèo,
Chen với người đành dục

Một trăm lẻ một năm,
Nếu sống cho hết kiếp:
Sáu mươi tuổi đã già,
Hăm một năm mới lớn.

Còn lại bốn mươi năm
Nhưng bình đau khổ cực,
Nhưng phiền não lo buồn,
Sống vui là mấy chốc!

Nào lại còn những nơi
Mạng người như cỏ rác,
Chiến tranh và tai ương
Chết chóc và đói khát!

Nào biết bao xứ khác:
Luật lệ như rừng xanh,
Kẻ mạnh hiếp kẻ yếu,
Sự sống còn mong manh.

Nào dân trong sa mạc,
Khê nước mát cây râm,
Hoặc vùng băng tuyết giá
Đời chỉ thấy mùa đông.

Còn kẻ chi thú vật,
Đêm ngày giết hại nhau,
Tứ rừng già núi thẳm,
Đền dưới lòng biển sâu

Và bao nông nổi khác,
Càng nghĩ càng ngu si,
Đành thờ dài niệm Phật
Mong một ngày thoát ly

Đặng Trinh Wallenstätter.

München 12.9.80

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
 CHI BỘ TÂY ĐỨC - CHÙA VIÊN GIÁC
 HỘI SINH VIÊN VĨ KIỆU BẢO PHẬT TƯ VIỆT NAM
 TẠI TÂY ĐỨC
 THÀNH KÍNH

Nguyện cầu Giác Linh Hòa Thượng thượng Thiên hạ Ân tảo đăc vàng sanh An Lạc Quốc, Thượng - đạt Liên Đài , hoa khai kiên Phật.

Vài nét về tiểu sử của Hòa Thượng

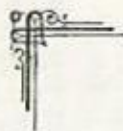
Thích Thiên Ân

Hòa Thượng Thích Thiên Ân là một trong những vị Tu Sĩ Việt Nam đầu tiên du học tại Nhật Bản trong n thập niên 50-60. Hòa Thượng đã đỗ văn bằng Tiên - Sĩ văn chương Nhật Bản năm 1964 của Đại Học Waseda. Hòa Thượng đã dạy sư học tại Đại Học Sài Gòn, dạy sinh ngữ Đông Phương - (Nhật, Việt, Hán) tại Đại Học California và dạy triết học Đông và Tây Phương trong một số trường Đại Học tại Mỹ. Hòa Thượng là sáng lập viên cùng là Viện Trưởng Viện Đại Học Đông Phương (Oriental University) ở Los Angeles. Hòa Thượng cũng là sáng lập viên của Viện Đại Học Vạn Hạnh (1964) Sài Gòn. Hòa Thượng là một vị lãnh

đạo tinh thần của Phật - Giáo, ngoài ra Hòa Thượng còn là một nhà giáo dục học. Hòa Thượng cũng là người được có tên trong từ điển danh nhân thế - giới của nước Mỹ. Ngoài Viện Đại Học Đông Phương ra Hòa Thượng đã lập một trung tâm tu thiền cho người Việt Nam cũng như người ngoại quốc, chùa PG Việt Nam, chùa Di Đà và 1 thư viện Phật Giáo rất đầy đủ kinh sách bằng các thứ tiếng Nhật, Việt, Trung Hoa, Anh, Pháp, Đức, Đại Hàn ... tại Los Angeles. Hòa Thượng là tác giả của nhiều sách nổi tiếng bằng 3 ngôn ngữ Việt, Anh, Nhật như: Zen Philosophy, Zen Practice, Buddhism & Zen in Vietnam... HT - suốt trg cuộc đời Ngài đã mang tư tưởng Á Châu đến Mỹ Châu và đã tạo sự thông cảm giữa Đông và Tây Phương.



chuyện cổ nước Tây



————— Đặng T.W. —————



Ngày xưa...cách đây chừng mười năm,có một tiểu nữ con nhà lành lặn,vì chỉ muốn tìm Thầy học đạo nên đã vượt núi băng rừng,lội qua biển Thái,sang tận bên trời Tây để mong tròn ước nguyện.

Tuy nhiên,sau sáu năm trời phiêu bạt đó đây mà đã chẳng làm nên nghiệp lớn nghiệp bé gì,nàng ta tỏ ra chán đời kinh khủng và bèn khăn gói tà tà b ỏ qua Tây...Đức.

Xứ này là một đại quốc gia,giàu mạnh đứng hàng đầu thế giới.Tục truyền rằng:khí xưa các anh hùng nữ-kiệt ở đây lại bất đồng ý kiến với nhau ghê - gớm và sau một trận thư hùng trời nghiêng đất lở ,hai môn phái cao thủ bèn tách rời ra làm hai khu vực,thế bất cộng đái thiên cho đến ngày nay.Theo tích ấy thì hai khu vực này vẫn còn hậm hê nhauchứadứt người trong cõi Ta Bà thời bấy giờ thường gọi bên hữu hoặc chánh giáo là Tây Đức - bên tả hay tà giáo là Đông Đức.Nghiêm nhậ hơn nữa ở cựu thủ đô Bá Linh,bên tả giáo còn dựng lên một cái Vạn - Lý trường thành,y theo như sơ đồ của Thành Cát TưHãn đời xưa để ngăn cản sự trà trộn tự do của đệ - Tứ hai bên,hoặc để dấu nhem những ngón bí truyền của môn phái.

Lại nói về tiểu nữ Đồ Long(sinh vào giờ thìn, nên được tặng hân danh này)từ ngày sang Tây Đức , lại được học thêm một ngón võ mồm của dân bản - xứ ,

thường gọi là Đức Ngủ, muốn tinh thông ngón nghề này không phải lơ mơ mà được! Bởi vì môn ngủ này là một ngón đòn thuộc vào - loại khá cao cường và bí hiểm, thế nên nó ít được lưu hành qua các nước khác như môn Anh ngữ chệ hạn. Tuy nhiên, vì tiểu nữ nhà ta đã có lơ thơ vài ngón phòng thân bổ t ú i mang theo từ Âu-Lê v à xứ của Phật Lăng nên khế có chi là nao núng, và nhờ thế có phần khá hơn nhiều môn đệ khác. Vì nếu kènào yếu công lực, hoặc mới tò te nhập môn sẽ cảm thấy tinh thần khiếp đảm, bại hoại tứ chi, chỉ lớn, chỉ bé nhưn ra như bún tàu ngâm nước nóng, rồi hoặc là mất bình ngẩn tò te, hoặc bỏ cuộc, hoặc nằm dài trông sánh đờng chôngày mất khoá, may ra với thời gian sẽ bổ túi được vài bí quyết nào chăng!

Nhưng môn sinh nào đã hấp thụ được môn bí truyền này thì sẽ nhớ đó, mà hiểu được những bí quyết khác của môn phái bán xứ và được dân chúng ở đây hoan hi chí giáo thêm. Ngoài ra những người môn sinh có lập nghiệp hoặc muốn kiêm cợn cháu thố dân để nuôi đời Tây Đường thì môn ngủ này vô cùng cần thiết

vậy.

Sau khi đã lãnh hội được môn này, Đầu Long thấy tinh thần rất là sẵn - khoái công lực gia tăng gấp bội, khi chỉ bấy lâu nay để nặng trong cơ thể suốt thời gian tu - tập đã không hện mà chiudầu mất hết, nằng cảm thấy c chân tay nhẹ nhàng di chuyển lanh lẹ, rất ư là dễ chịu, nhất là mỗi khi xuất khẩu thì thànhngón ngay, không còn bị bình "lưỡi câu" còn gọi là ấp úng, lấp bắp hay dịchnôm na là gà nuốt dây thun nữa! trước kia, mỗi l ần muốn giao đầu miệnglưỡi với thố dân, lúc tinh - khí còn yếu kém, thì thế phải dùng tới ngón song chưởng vón hoa, dùngngón đòn này thì tay chân - phải múa liên hồi loạn cả lên rất là mệt sức, còn nếu mệt quá thì dùng đòn ghi gặt, ghi lặc, hoặc tung thế quả thixứ dùng môn cười trừ, đôi phương ở đây cũng nhân hậu, khi ấy bèn tha cho về học tiếp. Nhưng bây giờ thì thung dung tự - tại, chỉ cần múa lưỡivài vòng là đủ hiểu nhau ngay, rất chi là tiện lợi.

Cũng vào giai đoạn này ,

lúc tiêu nữ còn miệt mài tu học, thì ở quê nhà, vận nước suy vong tà giáo bỗng nhiên trở thành một khí thế không gì ngăn nổi, rồi chùng chĩa cứ thủ đô, dựng bằng hiệu khắp nước, hà hiệp dân lành, làm bao nhiêu việc trái lòng trời... sự oán - than không bút mực nào tả cho hết được. Bao nhiêu người phải bỏ nơi chốn nhau cất rún mà dân thân vào nơi vô định, anh hùng liệt nữ cũng mũi lông, nên hận khăn gói qua cầu chạy sang những nước lân bang tị nạn, hầu chờ ngày phục quốc.

Cũng trong dịp này, một số đồng hương đã được gió đưa qua Tây Đức, là chỗ mà tiêu nữ Đâu Long đang tu học. Dù cảm thấy sức mọn, tài hèn, tiêu nữ nhà ta, xót tình cốt nhục, cũng nhào vô giúp đỡ bà con.

Số là thơ dân ở đây, tuy khí hậu vô cùng lạnh lẽo, nhưng nhờ ở luyện được tâm khí đức hạnh đã lâu đời nên trái tim lúc nào cũng vẫn hâm hâm nóng. Do

đó, khi thấy cảnh lên - đèn không bờ bên của dân tị nạn An Nam bèn mũi lẻ rôi rung, tình nhân loại nổi dậy ùng ùng, không ngăn nổi, bèn bơi ra biển vớt cả mấy chục ngàn người một lúc đem về nuôi ngoài việc lo lắng nhà cửa thuốc men, cơm áo, dân bản xứ lại còn ra cộ cất Thầy dạy võ, luyện văn cho nữa, thật là vô cùng chu đáo vậy!

Trong lúc chờ đợi, thì dân chúng An Nam, vì đường xá xa xôi và tinh thần còn khủng hoảng, nên hầu hết đều tiêu tụy dung nhan, mặt mày xơ xác.

Bọn tiêu nữ Đâu Long phải hùng hục đêm ngày ra công diu dắt, giúp đỡ được càng nhiều càng tốt, cho đến khi nào họ được vững vàng công lực, và tự mình thọ lãnh được môn ngữ bí truyền của Tây Đức thì mới thôi.

Đâu Long là một tiêu nữ có óc nghĩa hiệp, nay được dịp làm phước thiện rất lấy làm mãn nguyện, lòng mừng khắp khối, lo lắng tụng tụng, ngày đêm những bộ ngữ quên ăn, cứ "Việt - ngữ nhập khẩu môn" mà bày

lâu nay để đóng rêu, ngó đầu đã thiêm thiếp giấc nồng, nay bỗng tung chân ngói nhòm đây, phát thanh lại om sòm như thác đổ, y hệt như ngày xưa còn bé lúc ở quê cũ An Nam. Rồi hai ngón Việt Đức hoà hợp lẫn nhau cứ vung vít loạn cả lên, làm bà con từ An-Nam mới sang cứ hoa mắt ù tai, theo dõi không kịp thở, vắn hết cả nội cẳng, không theo kịp lộ xứ đặng khâu môn của tiểu nữ họ Đậu. Họ bèn trở mặt ra, ra chịu rất ư là khâm phục, một số khác khê hét lối khen ngợi âm âm!...

Trong số cao thủ võ lâm từ An Nam trôi dạt qua - Tây Đức, hiện còn tạm trú tại trại tiếp cứ đường - Allah, có gia đình họ Trương là nổi bật và đáng nói hơn cả, vắn võ sư toàn nầu đồ án ngon kịch liệt nghe đầu hồi xưa, gia đình này có lập ra một sảnh - đường gọi là "trường chay thí thực", môn đệ đông có tới hàng ngàn, thế nên dù gặp phải bước sa cơ, vẫn giữ được cốt cách oai-hùng, dung nghi lâm liệt, làm cho thiên hạ trông thấy phải đem lòng tức tặc nề nang ngay!

Sở là gia đình này, trong môn phái tứ bi, đã tu-

luyện đến mức thượng - thừa, nếu còn ở An Nam môn sinh các nơi thường phải cúi đầu thọ giáo, hoặc cung kính lay mủn mỗi khi gặp mặt, hầu như không chút công đức bỏ túi, nhưng vì thời buổi nhiễu nhương, lòng người li tán, lai lữ lạc xứ người, vàng thau lẫn lộn nên không thấy có gì trọng hậu lắm.

Nhưng đó là nói về nhữg kẻ sơ đẳng kia, chửn như tiểu nữ Đậu Long, mắt tinh như cú, lại có lòg hăm mộ bậc tri thức, thiện nhân, nhiều năm lẫn lộn chốn võ lâm, nhìn qua là biết ngay bản lãnh, và liền đem lòng kính mến, lại muốn nhân dịp này thọ giáo vài đường. Pháp môn tu-luyện của họ Trương thật ra đã có từ hơn 2 ngàn năm nay, được truyền bá khắp hoàn cầu, danh tiếng vang dội, nhưng tiểu nữ từ bé chưa có dịp gặp gỡ bậc cao cùg, dù bản lãnh để truyền dạy những môn thiết yếu vì thế nay gặp được cơ hội ngàn vàng, Đậu Long vô cùng mừng rỡ.

Thế rồi nàng ta bèn lần la trở chuyện và lộ dờ đến lam quên. Nàng được

họ Trương, vì luật giang hồ đồng thanh tương ứng cũng hết lòng trong đời thường mở tiệc đãi đãi và tiểu nữ được một phen lễ mạt vì những ngón nghề tuyệt diệu của bí thuật trường chay, luyện vào một lúc thì thấy th tinh thần lâng lâng, bao tư sáng khoái và yếu đuối ra rít! Thật chẳng h ồ mạt cao thủ phái Tử - Bi vậy.

Tiểu nữ Đầu Long c à ng ngày càng say mê pháp - môn này và quyết - tâm theo học cho bằng được, họ Trương vì cảm tảnh nhiệt tình cũng hoan hi tận tình chỉ giáo.

Pháp môn này huyền diệu cao thâm, nhiều kinh chú nhiệm mầu, muốn ngàn ngón lợi hại, kẻ yếu bóng vía không thể nghe mà lãnh hội được, vì nó có công lực phá địa ngục, mở Thiên Đường, diệt sanh, già, bệnh, tử, đánh bại cả lục tặc toàn cõi Ta Bà hợp lại... Càng nghe Tiểu Nữ càng bật vía kinh hồn hết sức bí lối cuốn, và đây đây lòng kính phục.

Thế nên, ngày qua thág lại Đầu Long miết m à i say mê theo học những-

ngón bí truyền của Pháp - môn này. Mỗi tối sau khi rảnh việc, Tiểu Nữ với vợ đến bãi kiến họ Trương để điều luyện công lực. Trước hết, nàng được cung cấp cho một số linh dược rút trong môn trường chay bắt đoạn để tăng cường nội công, sau đó mới đ ư ớ c truyền cho vài đường tụng niệm, hoặc là giảng giải những bí ngôn trong thần chú v.v... Điều kiện học tập ở đây không gì khó, nhưng muốn đến đích phải bỏ ra cả đời người, hoặc nhiều đời người hợp lại, và phải quyết tâm, phải có một lòng thương nhân loại như biển Thái Bình thì mới mong thực hành ý nguyện đến chót vót của Pháp Tử Bi này. Mỗi t ô i Tiểu Nữ cũng quỳ gối ở trước bàn Tổ để nhắm đọc thần chú bí truyền của môn phái. Muốn được tinh - thông phải dùng phép tọa thiền, nghĩa là tập trung tất cả tinh thần vào một chỗ và cột nó lại c h o chắc chắn, cho đến h ết buổi mới thả ra, nhưng vì Đầu Long công lực chưa chín, cột không chặt - nói thì dễ nhưng làm lại khó nên mỗi khi Tiểu Nữ làm nhắm luyện phép một hồi thì thấy quả tang r ấ ng tâm trí mình không chịu đựng, đó nghe kinh, mà tà tà lại xệ đi đầu mạt, những mắc công lỗi kéo-

hắn về thì đã hết buổi c
 châu, buồn quá... Còn như
 môn nghề khác muốn c h o
 tinh thực hoàn toàn thì
 phải thức dậy sau nửa đêm
 cho đến 4 giờ khuya, lúc
 ấy âm dương hòa hợp, trời
 đất giao duyên thì m ở i
 thành tựu được công đức,
 gia đình họ Trương r ấ t
 kỷ luật trong lúc luyện
 ngón này, Tiểu Nữ nhà ta
 cũng muốn đua đòi, nhưng
 vì công lực còn non kém,
 nên cứ bị rớt vào giấc
 điệp dài dài, không t à i
 nào bỏ ra cho nổi, đành c
 chỉ luyện khí vào lúc tà
 dương mà thôi.

Sau mấy tháng trường hăg
 hái siêng năng, Đầu Long-
 đã thực sự được thâu nhận
 làm môn đệ của phái Tử -
 Bi, nàng đã tinh thông ít
 nhất là môn trường chay
 bất đoạn, tinh thần càng
 minh mẫn hơn lên, lại thâm
 nhập được nhiều chú thuật
 bí truyền, có thể trừ tà
 dẹp quỷ, cái ác từng thi
 biến gian thành vui, nên
 càng được giới võ l â m
 kính phục, và họ Trương đã
 hết dạ thương yêu. Tiểu Nữ
 cũng vui mừng khôn xiết,
 và hết sức cảm tạ thâm ân
 trời bể của họ Trương ,
 thế đến chết cũng không
 quên.

Pháp môn này, sau khi luyện

kỹ, sẽ khiến cho có thể
 con người vô cùng sáng-
 khoái, khí huyết mạnh mẽ
 lưu thông, bao tử khoẻ r
 rừ, tim đập thảnh thót
 như điệu nhạc và nhất là
 không khi nào bị bịnh
 táo bón như phần đ ố ng
 bậc tu mi nam nữ ở x ứ
 Tây.



Từ ngày Đầu Long lạnh -
 thọ được ngón trường chay
 này, đêm ngày không
 dám buông lối, chẳng mấy
 chốc đã trở thành cao -
 thủ, tinh thông cả những
 môn bí truyền, nàngratay
 thì thôi khỏi nói, không
 thua chi Sư phụ, càng th
 thâm nhuần môn này Tiểu
 Nữ càng thấy tâm hồn m
 minh mẫn, trí óc sáng như
 ban ngày, trái tim trước
 kia chỉ bé bằng nắm tay
 nhờ phép này có thể c
 giãn dể dàng, đến độ n
 rộng ra không kích thu
 thuốc, có thể chứa đủ th
 tinh thương cho cả chúg
 sanh cõi Ta Bà, hoặc c
 cho cả những loài đ
 vật khác nữa! th
 biến hoá không thể' nghi
 bàn vậy. Thật không h
 mặt đệ tử nhà họ Trương.

Và nếu hậu bán thế kỷ ở
 sau, nhờ cộ lực s
 Pháp
 môn gia hộ thì chế, bao
 lâu nữa nh
 cao thủ như
 gđ họ Trương có rất nhi
 Mong thay.

Tường trình sinh hoạt lễ *VU - L.A.N*

tổ chức tại Hannover trong những ngày 30-31.8.80



Đề chuẩn bị cho lễ Vu Lan năm nay, Quý Thầy, Quý Ni Cô và một số anh em Phật Tử ở xa như Aachen, Múnnerstadt, Barntrup, Dörentrup... đã về chùa trước đó mấy ngày để giúp đỡ việc tổ chức ngày lễ được chu đáo hơn.

Vào ngày thứ năm (28.8.80) ban trai soạn đã bắt đầu làm việc tại Jugendzentrum. Một số anh chị em khác phải lo đóng báo. Không khí chuẩn bị cho ngày lễ thật nhộn nhịp.

Đến trưa thứ bảy (30.8.80) đã có một số đồng - bào Phật Tử từ các địa phương xa như Berlin, Kiel, đã lần lượt kéo về nơi địa điểm tổ chức lễ. Đến 17 giờ chiều cùng ngày khoảng 150 đồng bào Phật Tử và trẻ em đã tập họp tại Jugendzentrum - 19 giờ thì mọi người được lãnh cơm chay để ăn tối và 20 giờ thì đêm văn nghệ bắt đầu với chủ đề MẸ đã được một số anh em ở Jugenddorf Limmer và các anh chị em Phật Tử trong Ban Văn Nghệ tại Bá Linh, cùng một số cá nhân khác đã trình diễn trong các bài đồng ca, hát múa...

Sau hơn hai tiếng đồng hồ văn nghệ một số anh chị em Phật Tử đã chiếu lại những cuộn Film sinh hoạt của chùa từ năm 1978 cho đến ngày nay cho đồng bào xem. Sau phần chiếu Film Đại Đức Chi Bộ Trưởng đã thuyết giảng cho đồng bào Phật Tử về ý nghĩa của chủ hiếu giữa đạo làm con đối với cha mẹ, giữa vậ

8 giờ sáng ngày 31.8.80 mọi người dùng sáng - một số Quý Thầy, Quý cô và Quý anh chị em Phật Tử họp nội bộ và số đồng bào còn lại đi dạo phố cũng như thăm viếng một vài thắng cảnh của Hannover. Đến 11 giờ trưa bắt đầu khai mạc Lễ Vu Lan chính thức. Anh Hội Trưởng Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức đã giới thiệu Đại Đức Thích Giác Minh - Chi Bộ Phó của CBPGVNTN Tây Đức - lên ban diễn từ nhân ngày báo hiếu.

Người ta nhận thấy một số đồng bào Phật Tử ở xa như München, Stuttgart, Essen, Dortmund, Recklinghausen, cũng đã về tham dự lễ ngày hôm ấy. Số người tham dự lễ lên đến khoảng 300 người kể cả các em bé ở các Jugenddorf ở Braunschweig, Bad Nenndorf, Hameln...

Buổi lễ Vu Lan gồm có những phần chính như sau :
 - Diễn từ của Chi Bộ - lễ cài hoa lên áo (Cho những ai còn mẹ thì cài cành hoa hồng và cho những ai đã mất mẹ thì nhành hoa trắng) - Tung kính Vu Lan báo hiếu - Lễ tiên linh cho những người quá cố - trong đó kể cả những người đã chết trên biển cả - trong khi vượt biên tìm tự do. Buổi lễ chấm dứt lúc 12 giờ 30 phút và sau đó mọi người đã đi ăn bữa cơm chay thân mật.

Có 6 Phật Tử đã Quy Y trong dịp lễ Vu Lan này, và sau đó lễ thí thực cô hồn cũng đã được cử hành như một cách trọng thể. Lễ Vu Lan chính thức chấm dứt lúc 16 giờ - mọi người ra về mang theo một tâm sự mừng vui đầy tinh đạo vị. Vì đã sống suốt hai ngày trong tinh thần TỬ BI, LỢI THA của Phật Giáo và nhân hội này mọi người có cơ hội trao đổi, hàn huyên, tâm sự về quê hương về bạn bè ở khắp mọi nơi.

Ba mẩu chuyện đạo



- 1) Lòng ngưỡng mộ Phật Pháp của Vua A Dục
- 2) Đức Phật với La Hầu La
- 3) Đức Phật độ cho người gánh phân

1) LÒNG NGƯỠNG MỘ PHẬT PHÁP CỦA VUA A DỤC

Vua A Dục trước là người rất độc ác, từ khi theo Đạo Phật đổi thành người rất nhân từ. Hội mỗi theo Đạo vì lòng cảm mộ quý a dôi dào, nên mỗi khi ngự ngoài đường, hề gặp các vị Tỷ Kheo nào đi ngang qua liền xuống kiệu khấu đầu lạy. Có vị Đại Thần tên là Da Tát, lấy thế làm quý a đáng, bèn can ngăn vua rằng: "Các Thầy Tỷ Kheo kia a chẳng qua là những người các cấp đi hành khất ng ngoài đường, không đáng t tôn trọng lắm." Vua im lặng không trả lời. Cách vài ngày, vua truyền cho các quan văn võ, mỗi ông phải đem bán một đầu súc vật, và cho biết giá bán các đầu ấy như thế nào; ông Da Tát thời phải bán

một đầu người. Các đầu súc vật thời bán được với giá tiền sai khác hơn kém nhau, duy có đầu người của ông Da Tát bán thì không ai mua. Vua hỏi cớ sao, ông Da Tát trả lời: "Vì đầu người là một vật hèn hạ, không có giá trị gì". Vua lại hỏi: "Chỉ có một cái đầu này là hèn hạ, hay tất cả đầu người đều hèn hạ"? Ông đáp tất cả các đầu người đều hèn hạ. Vua bèn hỏi: "Vậy đầu trâu dê cũng hèn hạ sao"? Ông Da Tát sợ hãi không dám nói, sau vua bắt ép ông phải thú thật đầu Vua cũng hèn hạ. Vua bèn giảng cho ông Da Tát nghe rằng: "Phải, người muốn can ta

đứng lạy các vị Sa môn là nhà người có ý kiêu căng tự đắc. Nhưng cái đầu của Trâm đây là một vật hèn hạ không ai thèm mua, vì cúi xuống mà được thêm cật đức, thêm giá trị thì phở có hại gì? nhà người muốn chỉ trích các Thầy Sa Môn là người các cấp, nghĩa là không sang trọng, nhưng nhà người không rõ ân đức của các Thầy. Khi nào có đi ăn tiệc, ăn đám cưới thời mới nên hỏi đến giai cấp chớ đã đi tu đạo phân biệt giai cấp làm gì? người sang trọng danh giá bị tội nặng thời ai cũng nói người này là kẻ có tội, và ai cũng đem lòng khinh bỉ. Nếu con người hèn hạ mà tu nhân tích đức thời ai cũng kính trọng, ai cũng cúi đầu. Vua nói đến đây, bèn chỉ hần vào mặt ông Da Tát nói lớn rằng: "Nhà người há lại không biết câu sa này của Đức Phật Thích Ca hay sao? Ngài dạy: "Người có trí thời đầu vật không có giá trị cũng làm nên có giá trị". Ta muốn theo Phật người lại can gián ta, ấy là bất trung. Đến khi thân ta nằm xuống đất như cây miá kia, thời đầu muốn lạy muốn cung kính cũng không sao được nữa, thời làm thế nào được công đức. Vì vậy người nên để yên ta lạy-

các vị Sa Môn kiêm chút phúc đức. Nếu người nào dám tự nói "ta là người đáng tôn trọng hơn tất cả, thời người ấy là người u mê nhất đời. Nếu lấy huệ nhãn của Đức Phật mà xem xét thân thế, thời biết thân ông vua và thân người mọi cũng giống nhau, cũng đa thịt xương, khác nhau chỉ có cái phủ hoa bề ngoài. Nhưng cốt yếu ở đời là lòng đạo đức, thời trong thân thế người hèn hạ nhất đời cũng có thể có được. Chính cái ấy là người trí giả gặp đầu gối phải cung kính, phải vái lạy vậy".

(Trích trong truyện vua A Dục).



2) ĐỨC PHẬT VỚI LA HẦU LA

Khi La Hầu La (Con của Đức Phật Thích Ca) chưa thành đạo, tâm tánh thô tháo, lời nói ít thành tín. Phật bảo La Hầu La rằng: "Người háy về ở tại Tinh xá Hiền Độ giữ miệng nghiêm ý, siêng tu kinh - giới" La Hầu La vâng theo lời Phật dạy về ở Tinh xá Hiền Độ 90 ngày, tâm quý tu học ngày đêm không dể

ngi. Đức Phật an tọa, nh
nhiếp tâm đứng hầu một
bên Phật. Phật bảo La Hầu
La rằng: "người hãy bưng
chậu nước đến đây, rửa
chân cho ta." La Hầu La v
vâng lời rửa chân Đức
Phật. Khi rửa xong Đức
Phật bảo La Hầu La rằng:
Người có thấy nước rửa
chân trong chậu kia không?

Phật nói: "chậu kia nay
không còn nước nhớp nữa
vậy có thể dùng để đựng
đồ ăn uống được không?"

- Bạch Thế Tôn, con thấy.

- Bạch Thế Tôn, không thể
dùng được, là vì đã mang
cái tên chậu đựng nước
rửa và đã từng chứa nước
bất tịnh.

- Nước ấy có thể dùng để
ăn uống súc miệng được
không?

Phật dạy La Hầu La: " Ng
Người cũng như vậy; tuy
là vị Sa Môn, miệng khô
nói lời thành tín, tâm
tánh lại cứng cường,
chăng niệm tinh tấn, thu
thường bị tiếng đồn khê
tốt. Thật cũng như cái
chậu rửa kia, không thể
đựng đồ ăn được".


- Bạch Thế Tôn, không thể
dùng được. Nước ấy trước
kia trong sạch, nay vì rửa
chân trở thành nhớp đục
nên không thể dùng. Phật
dạy rằng: "Người cũng như
vậy, là con ta, là cháu vua
Tịnh Phạn, bỏ sự vui sướng
ở đời, làm vị Sa Môn; nếu
người không tinh tấn, n
nhiếp thân giữ miệng, thì
phải bị ba môn là tham,
sân si làm nhớp tâm
ý, cũng như nước đục kia
không thể dùng được".

Đức Phật lấy ngón chân
hất cái chậu rửa, khiến
chạy lán tròn, nghiêng
qua nghiêng lại vài lần
mới đứng lại. Phật b a o
La Hầu La: "Người có biết
cái chậu này bị bê kê"

Phật lại bảo La Hầu La :
"Hãy đổ chậu nước kia đi
La Hầu La liền đổ nước
trong chậu ra.

- Bạch Thế Tôn, cái chậu
để rửa chân là vật khô
gúy giá trị. Trong ý tuy
cũng có tiếc dỗi chút,
nhưng không đến nỗi thiê
thiệt tha lăm. Phật bảo
La Hầu La: "Người cũng
như vậy, tuy làm người Sa
Môn, không nhiếp thân và

miệng, nói lời thô ác làm hại nhiều người, thời trơ chúng không ai thương, người trí thức không ai tiếp, thân chết hồn luân chuyển trong 3 đường dữ, sống chết vô lường, các vị hiền thánh không ai thương tiếc; cũng như người nói không tiếc cái châu báu". La Hầu La nghe lời Phật dạy, lấy làm hổ thẹn và sám hối tất cả lỗi lầm đã phạm.

(Kinh Pháp Cú thí dụ). 

3) ĐỨC PHẬT ĐỘ CHO NGƯỜI GÁNH PHÂN,

Thành Xá Vệ có một người Chiên Đà La, sống về nghề đồ phân. Một hôm Đức Phật gặp đi giữa đường bèn kêu lại. Người đồ phân thưa rằng: "Con là người gánh phân ô uế không sạch, con không dám lại gần Ngài". Đức Phật nói rằng: "Tanay muốn cứu độ cho người". Rồi Đức Phật tự thân dắt người gánh phân, xuống sông Hằng tắm rửa sạch sẽ, và đưa về Tịnh Xá Kỳ - Hoàn cho xuất gia làm vị Sa-Môn. Người gánh phân tu hành rất tinh tấn, cần khổ chuyên tâm, nên chưa đầy một tuần, chứng quả A La Hán, thân thông tự tại. Lúc bấy giờ vua trott

nước nghe tin Đức Phật độ cho một người Chiên-Đà La, lấy làm bất mãn, cho rằng làm vậy ô nhục hăng Sa Môn, và làm khó khăn sự kính lễ của các hăng vua chúa, liền đến Tịnh Xá chắt vấn Đức Phật. Khi đến chỗ Phật ở thấy một vị Sa môn uy nghi đức hạnh, ngồi Thiệ Thiên trên một tấm đá, hiện nhiều thân thông kỳ diệu. Vua vào lễ Phật và bạch rằng: "Bạch Thế Tôn vị Sa Môn, danh hiệu là gì, sao lại có nhiều thân thông như vậy"? Phật bảo rằng đó là người gánh phân, nhờ công hạnh tinh tấn nên chứng được quả A La Hán" rồi Đức Phật dùng thí dụ cho Vua rõ rằng: "như ở trong bùn nhớ bán, có nở một hoa sen thơm ngát, vậy Bê-hạ là người có mắt, Bê-hạ có hái lấy hoa kia không?" Vua đáp: "Đóa hoa tuy mọc trong bùn lầy mà thơm ngát hương quý, rất nên dùng để tự trang nghiêm. Còn bùn lầy nhớ bán kia thì nên quán xem như là trạng thái của bà mẹ, chính tư trọng bảo thai mà sanh nở đóa hoa công đức".

Lúc bấy giờ vua lại bạch Phật rằng: Vị A La Hán trước làm nghề đồ phân nay công quả tu - hạnh

viên mãn, chúng được những quả đức không thể nghĩ - nghĩ. Tôi xin nguyện luôn

luôn cúng dường mười môn cần thiết, không dám để thiếu thốn.



Ba chuyện liên thân

- 1) Thái Tử Tu Đại Noa.
- 2) Con sứ tử trọng pháp.
- 3) Quả báo làm mẹ đau khổ.

1) THÁI TỬ TU ĐẠI NOA

Ta nghe như vậy:
 Một thời đức Thế Tôn ngự tại nước Xá Vệ nơi rừng Kỳ Hoãn, tại A luận trong vườn A Nan Phần để v ở i vô số tỷ kheo, tỷ kheo ni ưu bà tắc, ưu bà di . Lúc ấy Ngài ngồi chính giữa, có bốn hàng đệ tử châu - chực xung quanh. Bỗng Ngài mỉm cười và nói miệng có chiếu hào quang năm sắc.

Phật quả khú, hiện tại , vị lai chăng ? con rất mong đợi biết vì sao Ngài lại mỉm cười như thế ?

Phật đáp: "ta không tưởng tới Phật quả khú, hiện - tại, vị lai. Ta nhớ c á i hạnh bồ thí Ba La Mật đa của ta hồi vô lượng kiếp trước".

Ông A Nan đứng dậy, sửa y phục trang nghiêm, chấp tay quỳ xuống và nói: "...Bạch đức Vô Lượng Thọ đã 20 năm, con hầu cận Ng Ngài, chưa hề thấy Ngài cười lần nào như hôm nay Bạch đức Chánh Biến Giác hiện giờ Ngài nhớ đến chủ

Ông A Nan nói: Bạch Đức Vô Lượng Quang, xin Ngài hoan hỷ cho con biết pháp ấy ra sao?

Phật nói: "Thuở A Tăng kỳ kiếp, có một nước hiệu là Diếp Ba, vua tên là Thi Ti

lập, phép chôn chánh trị vì, chẳng hề làm tổn hại lễ dân. Vua có bốn ngàn quan thưởng - thố 500 thớt voi bạch, cai - quản 60 tiểu bang và t á m trăm thôn xã. Vua tuy có hai muôn vừng phi mỹ nữ, song không có bà nào có con. Ngài khẩn cầu khắp nơi, tu - luyện đạo đức. May thay! một bà bồng cò thai. Thiên Tử' bốn - thân săn sóc chánh cung rất chu - đáo. Ngài lại ra lệnh lo nào nệm thúy gồi loan cho bà an nghỉ, nào món ăn cho mỹ vị, thức uống cho tinh khiết đặng bà dùng. Sau chín tháng đến ngày mãn nguyệt khai hoa. Bà sanh Hoàng Nam. Hay tin này, ca thấy quý, phi trong cung - điện đều hôn hờ vui mừng.

Thoi gian qua, Thái Tử' đã được 16 tuổi. Ngài vẫn võ kim toàn lại thêm lễ nhạc cung đ à n cúng là tốt chủng. Ngài phụng kính Hoàng Phụ và mẫu - hậu chẳng khác chỉ tiên thánh. Vua cha lại dựng thêm c h o Hoàng Tử' một tòa đài cátnguy nga rực rỡ.

Tuy trẻ tuổi, song Đông cungg lại quý sự phước thiện, bôthi cho nhân loại thượng tâm hạ thú. 9 Ngài chỉ muốn cho tất cả chúng sanh được an vui, tự tại.

Khi đến tuổi trưởng thành,

vua cha đính hôn cho Ngài với nàng Mạn Trà, con, một vị Thiên Tử, công chúa sắc đẹp tuyệt trần và đức hạnh không ai sánh kịp.

Ngày tháng qua, Đông cung sanh được một trai một gái.

Thuở ấy, Hoàng Tử' nhớ đ ề n pháp bô thí Ba La Mật. Ngài xin phép vua cha ra thánh đạo chơi và xem cảnh vật. Ngài thấy những người nghèo đói, điếc, câm đi dọc đường, trong lòng ưu ái, không hân - hoan chút nào. Vua cha hỏi, Đông Cung nói: "Tâu Hoàng Phụ con, ra thành thấy người nghèo đói, điếc, câm, : con động, mỗi tử tâm, xót lòng trắc ẩn. Con muốn tâu Hoàng Phụ biết ý muốn của con, song con c ò n ngăn ngại e Hoàng Phụ không nhận lời".

Hoàng Thượng nói: "Con muốn điều gì, cha cũng hoan hi' cho như ý". Đông Cung nói: "C o n muốn lấy tất cả của cải trog kho tàng của Hoàng Phụ, đem bô thí cho mọi người bất luận ai xin vật chi thì con cho vật ấy". Hoàng Phụ đáp: " Hay thay, con cử thi hành theo bôn nguyện, cha không cần".

Đông Cung xin các quan hầu - cận đem đồ châu báu ra bày

biên nổi bốn cửa thành và ngoài chợ dựng bố thí cho tất cả nhân loại. Tâm phụng trời đất đều hay việc làm của Hoàng tử. Bốn hướng xa xôi ngàn dặm, đua nhau lặn suối treo non, đến thọ thí. Người đói rách, Hoàng Tử cho ăn mặc, kẻ xin bạc vàng châu báu, Hoàng Tử cấp cho, ai ai cũng được thỏa lòng há dạ.

Thời ấy có một ông vua nghịch sinh lòng nham hiểm, hay tin Hoàng Tử bố thí bất luận ai cũng vật gì, Mời hội các đình thần và các vị Bà La Môn trong nước bàn bạc rằng: "Ta nghe vua nước Diệp Ba có một thớt bạch voi, tên là Tu Đàn Diên chạy bay được trên liên hoa. Voi ấy đồng mãnh lai mạo hiểm trong việc chiến tranh, trăm trận trăm thắng, cha biết chỉ khanh có ai chịu xin voi ấy chăng"? Các quan văn võ lác đầu trượng mắt nhìn nhau: Song trong số Bà-La Môn, có tám ông tâu rằng: "chúng tôi nguyện làm như ý, cúi xin Hoàng Thượng ban cho chúng tôi ít đồ hành lý". Vua dạy cấp đồ đi đường và nói rằng: "Ta rất tin cậy các người, nếu các người xin được voi ấy, ta sẽ trọng thưởng".

Tám ông Bà La Môn tay cầm tích trượng lên đường, khi lên thác xuống ghềnh: lần hồi đã tới nước Diệp Ba. Chúng họ đi thăm đến trước cửa đền Hoàng-Tử, thấy đều chông gậy kim cững, chân đứng treo, day mặt

vô cửa. Người giữ cửa vào báo cho Đông Cung Ngài liền ra a thí lễ một cách tôn trọng, chẳng khác chi nghĩa con. Đoạn Thái Tu hỏi: " Bạch Quý Ngài, Quý Ngài ở đâu đến đây? đi đường xa xôi có cực khổ chăng? cảm phiền Quý Ngài cho tôi biết có chuyện chi quan hệ mà phải nhọc nhằn treo chân thế này"? Tám vị Bà La Môn đáp: "Thưa Hoàng Tử Đông Cung, chúng tôi mạo nghe Đông Cung mở đường phước thiện, bố thí bất luận là ai cũng bất cứ của cái gì nên, danh thơm của Ngài truyền khắp 8 phương, công đức của Ngài quá thật vô lượng vô biên, xa gần đều chúc tụng, không còn một ai không biết đến. Chúng bản đạo lầy đót tin chạc chần như lối. Thưa Hoàng Tử Đông Cung, thật Ngài là con coi thượng thiên, thế thì lối nói của Ngài còn hơn kim thạch. Vậy nếu Ngài thành tâm bố thí, chúng bản đạo xin Ngài hoan hỷ cho chúng tôi bạch tượng bay trên liên hoa

Đông Cung liền lại chuồng tượng dắt ra một con voi - bạch, song các vị Bà La Môn lại nói: "Thưa Hoàng Tử Đông Cung, không phải thớt voi này, chúng tôi xin đây là xin bạch tượng chạy được trên hoa sen tên nó là Tu-Đàn Diên". Hoàng Tử đáp: "Cha tôi, thưởng mến voi ấy lắm, chẳng khác chi tôi, tôi không thể tự quyền cho các Ngài; Nếu tôi cho thì cha tôi hết

thường tưởng tôi, lại c ò n đ
đuổi tôi ra khỏi nước nữa ".
Những Đông Cung lại nghĩ rằng
"Trước kia ta đã lập t r ợ n g
nguyên" Bô thí như ý", nếu nay
ta từ chối thì ta từ bác đại
nguyên của ta. Ta nên cho voi
ấy mới đạt pháp Ba La Mật đ a"
Đông Cung không còn ngăn ngại
nói: "Bach Quý Ngài, tôi không
dám làm Quý Ngài phải b ậ n
lòng vì một sự nhỏ nhen đó".
Hoàng Tu dạy tùy tùng thàng,
bánh vàng và dặt tượng ra tức
tộc. Tay trái Ngài bưng nước
rửa tay chọ các vị Bà La Môn
tay mặt dặt voi trao quý khách
Vua được voi bạch, tâm ông Bà
La Môn liền ca tụng "Bồ Đề Tâm"
và cảm tạ Đông Cung, lộ vẻ hân
hoan và vội vàng lên đường .
Đông Cung lại còn nói với: Xin
Quý Ngài hãy đi cho chóng, kéo
Hoàng Phụ tôi biết lại c h o
người theo bắt voi". Trong nháy
mắt, tâm ông Bà La Môn b i ệ t
dạng.

Vua nghe Hoàng Tử cho kẻ nghịch
ngịch tượng bấu, các quan văn
vớ đều sùng sốt, lo sợ rằng: "
nước ta nhờ có voi ấy mà dẹp
nạn can qua". Quan thân liền
vào tâu với vua. "Muôn tâu Bệ-
Hạ. Đông Cung đã đem voi b á u
cho kẻ thù nhà, Bệ Hạ d ự n g
nên bỏ cõi cũng nhờ có voi ấy
oai phong lâm liệt, một mình
có thể chông cự sáu chục thớt
voi khác như chổi; nay Đông -
Cung lại cho kẻ nghịch, chúng
hạ thần cho đó là điềm m ấ t

nước. Chúng tôi tâm hồn rối
loạn, cúi xin Hoàng Thượng,
định đoạt Bô Thí như ý của
Đông Cung theo thiên ý của
chúng tôi thì chẳng k ỉ p
thì chầy, Hoàng Tử chẳng-
những vết sạch cả của cả i
trong kho tàng mà thôi, lại
chúng tôi sợ e Ngài còn cho
luôn cả nước và vợ con Ngai
nữa.

Vua nghe tâu không vừa lòng
liền cho đòi một vị Đ ạ i
thượng thổ đến hỏi: "Khanh-
chọ Trâm biết có phải Thái
Tử bắt bạch tượng cho kẻ
nghịch chăng?".

- Muôn tâu Bệ hạ quá thật-
như lời.

Vua hội nghị cả thầy đĩnh
thần để thăm án Đông Cung.
Một quan Thượng thư tâu ; "
Kẻ nào vào chuồng tượng thì
chặt chân, kẻ nào dặt tượng
thì cắt tay, kẻ nào thấy dặt
tượng thì móc mắt". M ộ t
quan Thượng Thư khác lại
tâu "Xin Hoàng Thượng cọng
án tử hình cho cả thầy thú
phạm và đồng loạ". Thầy quan
thần phân văn và ý - kiến
không đồng, vua lại thêm
tha thiết và phân với triều
đình. "Con trâm chẳng những
hạ tu huệ mà thôi, lại còn
mở đường phước thiện. Đối
với những điều ấy Trâm khê

thê, ngăn cản, hưởng chi nay Tr
Trâm nở dành bắt buộc hành-
hình cùng hạ ngục". Một vị Đại
Thượng Thổ bác bỏ ý kiến cả
thầy triều thần, rồi quỳ xuống
tâu:

"Theo thiên kiến của tôi, Ngài
nên đuổi Thái Tử ra khỏi nước
và đày người ở chôn lẫm s ở n
12 năm hồng người ăn năn hối
ngộ".

Vua theo ý kiến ấy, dạy đ ò i
Đông Cung vào và hỏi: "Cô phải
người bắt bạch tượng cho k ẻ
nghịch chướng"?

- Muôn tâu Hoàng Phụ quá thật
như vậy.

Vua lại hỏi: "Sao người l ợ i
dâm bắt bạch tượng cho k ẻ
nghịch mà không trình cho ta
hay trước"?

Thưa Hoàng Phụ, trước kia Hoằ
Phụ cho phép con, bỏ thi như ý
và không ngăn cản một việc
chi. Bởi thế nên con không tâu
lại với Hoàng Phụ việc c o n
lâm phúc.

Thánh Hoàng nói: "Linh ta ban
thuộc về đồ ngọc ngà, châu báu
chớ không can hệ đến bạch -
tượng".

Thái Tu đáp:

"Muôn tâu Hoàng Phụ, các vật
ấy đều là của cải của Hoàng-
Phụ tất cả con không n g ở
phải trừ bạch tượng".

Hoàng Phụ phán: "Người phải
tức tốc ra khỏi nước này, ta
đày người ở núi Đan Đạc (Dan-
ta) 12 năm".

Thái Tử tâu "Con không d á m
cải lệnh Hoàng Phụ, song con,
xin Hoàng Phụ cho phép con ở
lại thêm bảy ngày dâng bô'-
thi thêm cho mãn nguyện".

Thiên Tử phán: "Ta dạy đuổi
người cũng vì sự bỏ thi của
người thái quá, chẳng những-
lâm tiêu tan kho báu của ta,
lại làm cho nước mất một linh
vật. Người không được ở l ợ i
đây thêm 7 ngày nữa, hãy r a
khỏi nước bảy giờ, ta không c
cho phép đâu".

Thái Tử tâu "Con không dám trái
lệnh Hoàng Phụ, nhưng vì con
còn chút của cải riêng muốn,
đem bỏ thi cho trọn vẹn, chớ
con không dám đá động đ ẻ n
kho tàng của nước nữa"...

Hai muôn cung phi đồng x i n
vua để cho Hoàng Tử ở l ợ i

7 ngày rồi sẽ đi cũng chẳng muộn.

Vua nhận lời.

Thái Tử dạy gia dịch truyền cho thập phương hay: ai muốn của cải thì đến Ngải c u n g cấp cho.

Nhân dân ở bốn phương trời nghe đồn đều đến cửa đền; Hoàng Tử rất ân cần thiết đãi khách ăn, chăm nom phân phát của cải, mọi người đều được vui vẻ. Trong 7 ngày, bố thí cho cửa cải. Người hàn vi trở nên phú quý; cá muốn người n nhờ đó được no ấm hân hoan.

Đông Cung vào tạ công chúa Mạn Trà nói rằng: "Vả tôi bỏ thí thái quá đã vét sạch kho tàng lại còn cho kẻ nghịch tướng bạch kỳ tài, nên Hoàng Phụ và triều đình đầy tôi 12 năm lên núi Đàn Đạc."

Bà Mạn Trà nói: "Muốn n ú đ c thanh nhà an, tôi xin cầu - chúc đức Thánh Hoàng c á c thượng quan cùng các quàng dân lớn nhỏ trong nước thay đều được giàu sang, an vui vĩnh - viễn. Còn tôi thì tôi nguyện theo dõi Thái Tử vào c h ở n thâm sơn mà tu hành pháp Bát Nhã".

Đông Cung nói: "Người nam tử ở núi non hiểm địa còn khó giữ được bình tĩnh với cạp hùm cùng các loài thú d ữ khác: Vương Phi đã quen thạh nhân làm sao chịu nổi với c cảnh khô khan và đói vô vị. Công chúa ở trong thì đ à i các nguy nga mặc rộng, t ở luy, nghi toàn nệm gôi ả n uông tinh đồ mỹ vị còn trên sơn lâm, nghi ngoài mạn trời chiếu đặt, nệm gôi bằng c ở rơm thóc ăn toàn là hoa quả lại thêm mưa, gió, sấm, sét, sũng, tuyết làm cho vớ mặt kính tâm. Khi lạnh thì lạnh thấu xương, khi nóng thì nóng phỏng trán. Nơi cây cối khô bẽ, nường dựa, dùi đất thì cỏ gai sỏi đá cùng loài sâu bọ độc địa, làm sao phụ nhân lại chịu nổi cảnh khô ải?"

Bà Mạn Trà đáp: "Nếu thiếp xa cách Hoàng Tử thì cần gìn giữ thúy gôi loan, sơn hào hải vị. Hôm nay đứng trước hoàn cảnh này, thì lẽ đương nhiên chàng dẫu thiếp đó cho trọn đ a o vợ chồng. Nước lầy cở l ả m biểu hiệu, khỏi thì cô lữ, vợ thì cô chồng. Thiếp chỉ biết gởi thân cho Lang Quân mặc dầu mưa sớm nắng chiều. Thiếp tướng; Lang Quân chẳng khác chi thân thục của thiếp, nếu thân thục xa lìa thì thân kia tan rã. Vả lại lúc Lang Quân lập đàn bỏ - thí, thiếp cũng dự vào, khi Lang Quân liả quê hương nếu

có người đến xin thọ thi thiếp biết nói làm sao vớ i họ? Lúc thiếp nghe ai khẩn - cầu với thi chủ, thiếp q ứ a cảm động có thể chết đặng vậy

ông Cung nói: "Tôi mở đường bố thí, không từ chối một ai, nếu có người đến xin hai con tôi rất hoan hi nhận lỗi. Khi ấy công chúa không vui lòng hưởng ửng, có phải là làm rối loạn tâm tu thiên của t ô i không? Tốt hơn Công chúa đừng theo tôi làm chi".

Mạn Trà đáp: "Hoàng Tử chớ có lo xa, tôi xin tận thành mọi việc phước thiện. Lang quân ở trong trời đất không có a i nhân đức hơn lang quân!"

Ông Cung nói: "Nêu quả Vương nhi đồng tình thì không g i quý hoá bằng!"

ông Cung dắt vợ con vào vng viếng mẹ và tử giá lên đường Thái Tử thừa; "Cúi xin mẫu hậu hãy năng nhắc nhớ Thánh Hoàng lấy luật chơn chánh trị nước chơn dân, chớ để tà đạo sang nhập nước nhà".

Nghe lời Ông cung, Hoàng Hậu bồi hồi cảm động ầu sâu. Bà nói giữa cung phi: "Ta đ e m

thần cứng cỏi như sắt đá, lây lỏng bên bi hôn gang thép mà phở Hoàng Thượng không chút c chí lỗi lầm. Nay ta có một mụn con vốn vẹn, nó lại bỏ tamã đi tướng tới chừng nào thì tâm - bào ta đứt từng đoạn! Nhờ khi con còn trong bụng mẹ, chẳng khác chi lá trên nhánh, càng ngày càng lớn, ta nuôi con đến tuổi trưởng thành, nó lại đìxa bỏ ta hieu quạnh! Các vương phi khác sẽ được hưởng thú vui ch chớ, còn ta thì Hoàng Thượng sẽ hết yêu vớ ta nữa. Ta x i n thành tâm chỉ nguyện cũng cao, xanh cho, con ta được mau trở về xử sở".

Ông Cung cùng vợ con lay mẹ rồi lui ra.

Hai muôn Quý phi mỗi bà đều đem ngọc trân châu dâng biếu cho Ông cung; bốn ngàn Thượng thử đem tràng hoa và bảy bầu dâng cho Hoàng Tử.

Thái Tử ra cửa thành hưởng Bắc Ngài lấy cả thấy bảy vật báu - ngọc và bông hoa bồ thí cho mọi người. Cả thấy quan dân lớn nhỏ vô số đến đừa đón chật đ đường, chen nhau đừa lễ v ậ t cùng chúc tử cho Hoàng Tử. Họ bàn luận cùng nhau và nói; " Ông cung Thái Tử là người tr trọn lành là bậc vi nhân trog nước. Vì sao Hoàng Thượng lại

xua đuôi một vị Hoàng tử quý nhất và hiếm có nhất trong đời này"? Cả thấy mọi người đều hoài tâm thương tiếc.

Ra khỏi thành, Hoàng Tử xin thân dân trở gót đặng Ngài lên đường. Lúc quay lưng, quan dân lớn nhỏ đều bi cảm và khóc than nước nỡ.

Thái Tử lên xe với vợ con, tay cầm cương dục ngựa đi một kh khoảng đường xa xa, Thái Tử dừng xe dưới bóng cây nghiêm mật bỗng có một người Bà La Môn đến xin Ngài con ngựa, Thái Tử mở ngựa ra cho rồi để 2 con lên xe, tự mang gọng xe và o vai kéo thê cho ngựa, Công chúa thì ở sau xe đẩy tới. Đi thêm một khúc đường, lại gặp một người Bà La Môn đón xin cưỡi xe. Đông Cung liền nhận lời. Đi một khúc xa hơn nữa, lại gặp một người Bà La Môn xin bỏ thê. Thái Tử nói: "Tôi không muốn từ chối song của cải của tôi đã hết cả". Người Bà La Môn đáp: "Nếu Ngài không có của cải gì khác, nhờ Ngài cho tôi y phục của Ngài đang mặc trong mình". Đông Cung lấy quần áo tốt của mình mà cho, rồi mặc đồ cũ. Đi một đôi xa nữa, gặp một người Bà La Môn khác đến xin bỏ thê, Đông Cung cho quần áo của vợ. Một đôi xa hơn nữa, lại gặp một người Bà La Môn đến thọ thê, Ngài cho quần áo của

36 h ai con. Đông cung đã bỏ thê cả xe, ngựa, của cải và quần áo mà không buồn không tiếc chút nào. Bấy giờ Đông Cung thì công con trai, Công Chúa thì công con gái, đi bộ lên đường. Cả thấy vợ chồng con cái đều, hân hoan, nhậm nhậm cao thẳng dặm. Núi Đản Đặc ở xa lắm, cách châu thành hơn 6 ngàn dặm. Muốn đi đến nơi, phải trải qua không biết bao nhiêu hăm hồ buồn lầy, phải nhịn đói chịu khát nữa.

Cứ ngày đi đêm nghỉ, xuyên qua thu lại, hề man đông sang, tội nhận đặng đến núi Đản Đặc, Hoàng Tử nhằm xem phong cảnh thấy núi cao chồm chồm oai nghi, cây cỏ sâm uất thanh mầu. Các thú chim ca hát với giọng véo von, hồ trong hoa nở nước non trái ngọt vô số ngỗng, hạc, vịt, cùng các loài chim ăn dưới nước.

Hoàng Tử nói với vợ: "Ở đây cây mọc thẳng bằng, cao sừng sừng tận trời xanh mà không cây nào lay động. Chúng ta sẽ được uống nước ăn trái ngọt, ở trong hang đá; chúng ta sẽ hành pháp Bát Nhã". Đông Cung vô núi cả thấy thượng cầm hạ thú đều vui mừng đến nghinh tiếp Ngài.

Trên chót núi có một vị tu-

hành tên là A Châu Đà, Ngài được 500 tuổi và đức hạnh dưng thông. Đông Cung đến thì lễ rồi lui ra đứng dậy mà nói: "Bạch Ngài, hiện giờ chúng tôi chưa biết phải ở nơi nào có thức ăn uống?"

Ông A Châu Đà đáp: "toàn núi này đều là cảnh thiên thai, Ngài ở đâu lại không được? Núi này chỗ nào cũng trong sạch thanh tịnh, Ngài muốn hành pháp Bất Nhạ lại đem vợ theo làm chi".

Hoàng Tử chưa kịp trả lời, bà Mạn Trà chặn hỏi: Ngài tu được bao lâu?

- Tôi ở núi này được đâu 400 hay là 500 năm.

- Một người như tôi dức tu bao nhiêu năm mới được đắc huệ? Giả sử tôi ở núi này lâu hơn cô thợ cũng khó tính cho ra đến chứng nào đã được đạo Bồ Đề.

Ông tiên đáp: "Kỳ thật mà ý câu chuyện ấy, tôi cũng không biết được".

Đông Cung hỏi: "Ngài có nghe nói đến tên Thái Tử Tu Đại - Noa, con của vua nước Diệp Ba chăng?"

Vị tu sĩ đáp: "Tôi thường nghe nói tới tên, song không biết mặt".

Thái Tử nói: "Đông cung ấy là tôi đây vậy".

Vị tu sĩ hỏi: "Ngài muốn tu pháp môn nào?"

Thái Tử đáp: "Tôi muốn tu theo Đại Thừa".

Vị tu sĩ nói: "Đối với công đức của Ngài, tôi tưởng chẳng bao lâu Ngài đạt mục đích một cách viên mãn. Chúng Ngài đặc đạo vô thường, hoàn toàn sáng suốt, tôi sẽ là đệ tử thứ nhất của Ngài có phép siêu phàm, nhập thánh". Rồi ông lại c h i, cho Thái Tử một chỗ ở Thái Tử bắt chước ông trồng củng vào đầu và vắn tóc, luôm nhánh và lá cây cắt bốn lều tranh cho mình vợ và con.

Con trai tên là Da Lợi (Jali) 7 tuổi, mặc quần áo bằng cỏ rơm theo cha, con gái tên là Kê Na Diên (Krsnājinā) mặc quần áo da nai theo mẹ.

Trên núi chim chóc và cầm thú vui cười, tổ lông tìn - ngỗng và sùng bãi, Hoàng Tử, Khí Thái Tử ở đêm tối đầu thì ở đó hạc hồ đều nổi mạch nước, cây khô

lại đâm bông trở lá, loài sấu-bộ, và các thú thấy đều trốn mất, loài thú ăn thịt trở lại ăn cỏ, cây sậy trái, chim đồng tình kêu hót. Bà Man Trà l o hái trái cho Hoàng Tử và cho con ăn. Còn hai trẻ khi thì đi chơi với cạm thú, rồi mẹ rạch, khi lại đi suốt đêm. Lần kia đuổi thú chơi, con trai-Da Lý cởi sứt tử, sứt tử nháy, Da lý té xuống đất trầy mặt chảy máu. Một con khi thấy leg lấy lá cây chùi máu, rồi dặt lại bó ao rửa. Hoàng tử thấy tân tuồng ấy, thàn nói: "Loài cạm thú cũng có lòng th thường nhân loại như vậy".

mức nước gặp một lũ trai tổ xúm nhau, diều cợt. Vậy chàn g phải kiếm cho thiếp một con đỏi, chũng nào có đứa ở, thiếp khỏi đi xách nước, bọn ấy mới hết chọc ghẹo thiếp".

Người chồng trả lời: "Tôi nghèo xác da xác chiếu, nằng lại muốn kiếm tôi mọi ở đâu"

Vợ đáp nếu không có, tôi tình nguyện bỏ nhà ra đi. Nằng lại tiếp lời: "tôi có nghe Hoàng tử Tu Đại Noa, vì bỏ thi thái quá nên vua cha đày tại núi Đản Đặc. Ngài có một trai, một gái, chàn, nên thân hành đến đó xin hai trẻ".

Chồng bác lời rằng: "Núi Đản Đặc xa hơn 6 ngàn dặm, khó đi đến nơi, huông nữa là xin Thái, Tử một việc mà Ngài không thể cho!"

Vợ lên tiếng "nếu chàng còn du dự, tôi sẽ mượn con d a o tử tử ngay"

Chồng xuống giọng: "thời đủng vội giận, nằng coi sấm c h o tôi ít đồ hành lý!"

Vợ nói: đi thì đi đi nhà t a thiếu trước hụt sau, còn đ òi đồ hành lý gì?"

Trong thời kỳ ấy, tại xứ Câu Lưu có một người Bà La Môn n nghèo khổ, bốn mubi tuổi, khồng con. Vợ chàng thì yếu điệu đẹp ã, phủng phi, còn chàng thì xấu xa, mình mây đen đũi, diện mạo quá dị tuồng, chảng khác chỉ yếu ma quý mị. Vợ chàng gớm, ghét mong sao chàng chết phuc cho rồi. Ngày kia cô ta đi mức nước gặp một đám trai trắng nhạo băng chông nằng và nói: "Bà thì vĩ tợ thiên kim, cơ sao lại làm vợ một người như thế?"

Cô ta trả lời: "Cái đầu g i à nua ấy bạc trắng như sừng, sớm tôi tôi hằng trừ rửa cho nó chết, chảng biết sao n ò không nhúc nhích". Đáp rồi tự than thân tụi phận, về n h à khóc nói với chông: "Thiếp đi

Người Bà La Môn cụ bị ỉt môn ăn rồi lên đường. Đến xứ Diệp Ba đi ngay lại cửa thành, chằng ta mới hỏi người giữ cửa: "Xin ông thi ân cho tôi biết Hoàng Tử Đông cung Tu Đại Nọa hiện giờ ở đâu?"

Người giữ cửa không dám trả lời vào báo, Hoàng Thượng hay vua nghe tức giận và phán rằng "cũng vì lũ này mà ta đây Thái Tử, sao chúng nó lại đến đả y làm chi?"

Người Bà La Môn được đòi vào quí tâu: "Muôn tâu Thánh Hoàng tôi ở xứ xa lại, vì cái thanh danh của Hoàng Tử Đông Cung, đâu đâu đều biết trên thâu tứ thiên, dưới tận cửu tuyền. Đông cung có lòng Bác ái không hề để một ai thất vọng. Bởi vậy nên ở xa, tôi cũng lặn lội đi đến đây chú ý thành tâm yêu cầu một đôi việc cùng Hoàng - Tử".

Vua nói: "Đông cung ở chốn quạu quanh hiu trong thâm sơn và quả nghèo khổ, người còn có vật chi nữa mà bỏ thì".

Người Bà La Môn tâu: "Muôn tâu Hoàng thượng, tuy biết Đông - cung khiếm khuyết mọi vật, song tôi cũng chỉ nguyện đến tận nơi ra mắt Ngài".

Vua dạy người đi chỉ đường.

Người Bà La Môn nhấm núi Đản Đắc thẳng dậm băng ngàn. Chàng vào núi gặp người thợ săn đón hỏi: "Xin ông thi ân cho tôi biết Hoàng Tử Tu Đại Nọa có ở trên núi này không?"

Thợ săn tuy biết Đông Cung bị dầy ở đây cũng vì bỏ thì cho giòng Bà La Môn song khê chỉ chơ lại còn bắt chàng tr trói vào gốc cây đánh m ộ t trận như tử, mang nhiếc q ủa a lồi và nói: "Ta muốn chongười vãi mũi tên và ăn thịt người người còn thiếu vật chi, mà đến đây hỏi thăm Thái Tử".

Người Bà La Môn nghĩ: "Ta sẽ bị tay người này giết, vậy ta phải thiết kế đánh lừa người mới mong toàn tánh mạng". Ng Nghĩ rồi liền nói: "Theo lẽ phải thì Ngài nên hỏi tôi nguyên nhân trước khi hành phạt tôi cho đáng".

Thợ săn đáp: "Người muốn nói việc chi?"

Người Bà La Môn nói: "Thưa Ngài, Đức Thánh Hoàng hỏi tâm thường nhớ Thái Tử Đông Cung dạy, tôi đi tìm Hoàng Tử đang thỉnh về nước".

Nghe vậy, thờ sẵn hối hận liền mở trời ra nhận lỗi và nói: "Tôi thật vô lễ, xin ông miễn chấp, cũng biết không hay không biết có chi Thánh Hoàng nên mới có lỗi lầm như hôm nay". Nói rồi chỉ chỗ ở của Đông Cung.

còn môn gì"

Người Bà la môn nói: "Thưa Đông cung, nếu Ngài không có gì xin Ngài cho tôi hai trẻ con của Ngài để phụng dưỡng tôi lúc trở về già."

Người Bà La Môn đi thẳng tới lầu tranh của Đông cung. Hoàng Tử thay đổi rất đổi vui mừng ra tiếp rước, thi lễ và hỏi thăm. "Ông ở đâu lại? Có lẽ ông đi đường xa mệt nhọc thì phải ông đến tôi chỗ việc chi chăng"

Hoàng Tử đáp: "Ông ở xa lạ i chủ tâm xin hai con tôi, tôi không lẽ từ chối".

Người Bà lamôn thưa: " Tôi ở xa lắm, thân tôi khôn đói khôn cùng, đường gò tôi đói khát n nữa".

Lúc đó hai trẻ đi chơi. Thái tử kêu lại, và nói: " Có một người Bà la môn ở xa đến xin hai con, Cha đã hứa lời ứng chịu, hai con hãy đi với người".

Hoàng tử lật đặt thỉnh vào cốc người ngồi, đem trà nước và trái cây dâng cho người Bà la môn dùng. Khi no rồi, người Bà la môn nói: "Thưa Đông cung Thái Tử, tôi gốc ở nước C a u lúu, đã lâu tôi nghe lòng từ thiện của Ngài, thập phương thế giới đều mến danh thơm và đức hạnh của Ngài. Tôi quá nghèo khổ mong Ngài thương tưởng tôi cho tôi một vài vật"

Hai trẻ chạy đến một bên Cha khóc rằng: " Chúng con đã từng biết nhiều người Bà la môn song chúng con không hề thấy người nào đi tưởng như thế. Chắc người này không phải họ Bà la môn đâu, người ấy là qui yêu! Nay Mẹ con đi hái trái chưa về, Cha lại bắt con cho yêu tình ăn thịt, chúng con phải chết mất. Đến chúng Mẹ con về, kêu con chẳng thấy thì chẳng khác gì bỏ mẹ kiếm con, người sẽ bị lụy, thân vẫn đau khổ."

Thái Tử đáp: "Kính ông, chẳng có việc gì tôi từ chối những rủi cho ông, hiện giờ tôi khg

Thái tử nói: " Hai con chớ nên quá bịn rịn, Cha đã hứa lời, không thể thất tín.

Người Bà La Môn này không phải là ma quỷ mi chi, không ăn thịt con đâu mà ngại gì, hai con hãy đi đi".

Hoàng tử lấy nước rửa tay cho người Bà La Môn, rồi kéo x a y cạp trao cho người Bà La Môn dắt đi.

Hai trẻ không chịu đi, chúng trở lại trước mặt cha, quỳ xg xuống và nói: "thưa cha chúng hay chúng con phạm tội gì nhg kiếp trước mà ngày nay chúng con phải chịu làm điều thối khổ. Chúng con là đồng vua nay phải làm tôi tớ cho kẻ phạm-phụ. Trước mặt cha con xin sám hối các tội lỗi có lẽ nhờ đó sự phiền não và nghiệp chướng của chúng con sẽ được tiêu trừ và hạnh phúc lại đang ph ả t khởi, mong sao đời này sang đời khác chúng con không còn gặp phải bước gian truân như thế nữa".

Vong Cung, nói với hai con : " CÁ THẤY AI TÍNH ĐỀU LÀ ÁC MỘNG MỘT NGÀY KIA PHẢI HUY HOẠI , VẠN VẬT ĐỀU VÔ THƯỢNG, MÂY AI GIỮ TRON VEN MỘT VẬT CHI NƠI TRẦN THẾ". Hai con hãy đi , chúng ... , nào cha đạc đạo Bồ đề, cha sẽ độ hai con".

Hai trẻ, đôi mắt đỏ ngầu, n ội với cha: "Xin cha trao lối đi vinh

biết của hai con lại cho m con, chúng con quá đau lòng nghĩa mẹ con xa cách đời đời lại không giáp mặt tỏ phân mẽ lỗi, trong khi mẹ Bác con nam Chẳng còn nghi gì nữa, cũng bỏ tiên căn nghiệp báo của chúng con, nên nay chúng con phải chịu vậy. Chúng con nghi đến khi m chúng con về thấy mặt hai con người sẽ khô tâm đau đớn , rã não chẳng cùng, lo cho t h ã chúng con phải chịu đôi rách phiếu lưu nơi đất khách".

Người Bà La Môn nói: "Tôi g i yếu, hai trẻ bỏ chạy tôi theo, chúng nó, tôi lum cùm theo b ả chúng nó sao được. Xin Đông cung trời nó giùm tôi"

Thái Tử liền trời hai con giao cho người Bà La Môn dắt đi, nhg hai đứa nhỏ cứng lại chẳng đi người Bà La Môn mới đánh chầy mấu. Đau đớn thay cho Đông Cung thấy tình cảnh như vậy đ ộ nê lòng sa nước mắt. Cả trái đ ả t rung động. Hoàng Tử và cầm thú theo sau đưa đón hai trẻ , rồi chúng biệt dạng mới trở về. Các loài lục súc trở lại chỗ cũ hai trẻ thường chơi, thấy cảnh chng thấy người, xúc động rên lathảm thiết, lăn lộn dưới đất.

Người Bà La Môn dẫn hai đ ứ a nhỏ đi được xa xa, dọc đường đưa trai vẫn dấy trời vào cây không chịu đi, chú ý chỗ mẹ chúng n ở đến cứu. Người Bà La Môn n ở i

giận, lấy cây đánh như tú, đến chững chững nó xin thôi đánh, chịu đi, mới nổi tay.

Hai đứa nhỏ ngược mắt lên trời vái rằng:

Thần linh ơi! Hỡi thần linh ơi Hoan hỷ mách giùm mẹ chớ tôi Xót dạ con đi, sâu chắt chúa, Đau lòng mẹ ở luy quên thôi. Chanh tình nuôi dưỡng c h ứa thù đáp, Đói nghĩa cứu mang chẳng đỡ bồi. Ô biết bao giờ cho rảnh ng nghiệp? Cuộc đời thiết tưởng bạc hơn vôi.

Cũng ngay lúc đó, Công chúa ở trên núi, nháy mắt khô chịu Bà lấy làm lạ và nghĩ: "Thuở giờ tôi chưa hề có cảm động thái quá như hôm nay, cháchai trẻ mặc phải tai nạn rồi". Bà liền bỏ giỏ trái lại đó, hối-hả ra về.

Khi Công chúa về, thấy Đông cung ngồi một mình không c ờ hai con, bà vô lều tranh kiểm không có, bà lại trở ra m é rạch - chỗ chúng nó hay chơi giỡn, cũng không thấy. Bà chỉ thấy mang, sứ tự, khi, mây thù thường chơi với nó mà thôi. Bà Mạn Trà trở lại chỗ Thái Tử ngồi và hỏi hai con ở đâu Thái Tử không nói.

Bà lại hỏi nữa: "Khi hai con ở xa thầy tôi đem trái về, chúng nó chạy nhào lặn dưới đất, rồi lồm cồm chỗi dậy nhảy nhót: Mẹ về: Khi chúng nó thấy tôi ngồi ở đâu thì đến ngồi kề một bên, thấy bụi bặm dính mình tôi liền phủi: Bây giờ tôi không thấy con tôi và chúng nó không lại gần tôi, nó ở đâu, ai bắt nó? Không t thấy con, tôi lòng tôi đứt từng đoạn! Chỉ cho tôi biết con tôi đi đâu và đừng làm cho tôi phải cuông tâm".

Bà nói đi nói lại 3 lần, Hoàng-Tử vẫn điềm nhiên không thốt một lời. Bà lại càng đau ã ở n hơn nữa, bà nói chua cay n h ử vậy: "Mắt con tôi còn chịu được song sứ lẳng thình của lang - quân làm cho tôi thêm rối loạn"

Đông Cung nói: "Có người Bà La Môn ở xứ Câu Lưu đến xin hai con và tôi đã cho rồi".

Công chúa thoát nghe quá cảm động, vụt té xuống đất, bà đau đớn khôn cùng.

Đông Cung nói: "Xin Công c h ứa hay người lòng. Phu nhân hãy nhớ lại việc xưa, hồi thuở Phật Về Hoà Kiết La ra đời. Lúc đó tôi là một người Bà La Môn, tên là Ba Sô Vệ, còn Công chúa phunhân là con gái Bà La Môn tên là Tu La Đà. Công Chúa cặm bảy liên-hoa, còn tôi thì nam trong tay

100 bạc. Tôi mua năm bông sen của Công chúa để cúng Phật, còn Vương phi thì để thêm 2 bông khác cho tôi dâng cúng Phật. Phu nhân lại lệ phép nguyện như vậy: "Tôi nguyện - cầu trong những kiếp vị lai sau, tôi cứ được làm vợ chàng đầu lịch sử, đầu xâu xa tởm không hề xa chàng".

nữ, vợ Đông Cung".

Hoàng Tu đáp: "Công chúa là người của Ngài".

Công chúa nói: "Nếu Thái tử cho tôi rồi, lấy ai mà giúp đỡ Thái Tử".

Tôi có nói với Công chúa rằng "Nếu nàng muốn làm vợ tôi thì phải tuân theo chính lý của tôi, tôi sẽ đem hết tâm lực hành pháp bồ đề, không hề thôi chuyên cũng làm trái ý một ai trừ cha mẹ tôi, ai xin vật chi tôi đều hoan hỷ. Công chúa ứng chịu bằng lời. Nay tôi có hai con, Vương phi lại làm rối loạn đến mỗi tư tâm của tôi".

Đông Cung nói: "Nếu tôi không cho Công chúa thì tôi không đạt được vô thường Ba La Mật Đa".

Nghe Đông Cung nói, bà lệ ỉn tính ngộ; bà nhớ lại trong kiếp quá khứ kia, bà có hứa hẹn và nhận việc bồ đề của Thái Tử.

Thái Tử múc nước rửa tay cho người Bà La Môn và dắt vợ cho người. Đế Thích đã nhận được lòng Thái Tử không còn tiếc việc chi. Các thiên thân lạ lạ ca tụng lòng tử bi của Đông Cung, tức thì trời đất tối tăm thế giới đều rung động.

Đế Thích thấy Thái Tử hành pháp bồ đề Ba La Mật Đa, cố ý thử lòng Thái Tử Ngài hóa thân làm người Bà La Môn xâu xa và cũng đi tưởng như người trước, đến trước mặt Thái Tử và thốt rằng: Đông Cung ôi! Tôi hằng nghe Đông Cung rất hoan hỷ làm các việc phước thiện và không hề từ chối việc chi.

Người Bà La Môn dắt Công chúa ra đi được 7 bước, trở lại trả công chúa cho Thái Tử.

Vậy tôi đến đây xin bà Vương

Thái Tử nói: "Sao Ngài không giữ Công chúa cho Ngài? Công chúa nết na tánh hạnh xâu chi? trong dạ Hoàng nữ, Công chúa là cực phẩm phu nhân, nàng là Công chúa của một nhà vua kim thời Cung vì tội mà nàng phải nhảy vào vat dầu sôi, trong đóm lửa đỏ, phải chịu ăn uống kham khổ không hề than thở vì đau khổ phong trần; trong mỗi sự hành

đông, nặng rất ân cần chú ý và giồng mặt vẫn thờ thối với cướp. Ngài nên đem nặng đi, tôi mới được an vui".

Người Bà La Môn nói với Đông cung: "Ta không phải là Bà La Môn, ta là thiên Đế Thích. Ta đến thử lòng Ngài. Nhưng bốn nguyện của Ngài là chi?" Nói xong Đế Thích hoàn nguyện hình diên mạo oai nghi, dung nhan tuiệt mỹ.

Công chúa đánh lễ Ngài và cầu xin 3 điều: "Trước nhất xin Ngài làm sao cho người Bà La Môn đem hai con tôi về bán lại bốn xứ; sau xin đừng cho chúng nó đói khát, sau nữa xin cho chúng tôi được về nước cha ông".

Đế Thích đáp: "Bà sẽ được như nguyện".

Đông Cung nói: "Kính Ngài, tôi nguyện sao cho cả thầy chúng-sanh đều được giải thoát và hết khổ về sự sanh, lão, bệnh tử".

Đế Thích đáp: "Lời nguyện của Ngài thật vi đại cao thượng không chỉ hơn. Nếu Ngài muốn 3 sanh cõi trời, làm vua thượng-thiên, làm đại Hoàng Đế ở trên, trường thọ như bà như tỳ thì tôi có thể làm được như ý; cho cái oai linh tôi yếu".

44
bà gửi ra ngoài bản năng của tôi".

Đông Cung tiếp: "Tôi làm xin cho được giàu có muốn xedạng bỏ thí nhiều hơn. Tôi mong sao cho Hoàng phụ cùng các quan đại thần hồi tâm sum hiệp cộ tôi".

Đế Thích đáp: "Bản nguyện của Ngài sẽ được thành tựu".

Vứt lời về Thích biến mất.

Đồng thời ấy, người Bà La Môn dân mây đưa nhở về tới nhà. Vợ chàng ra đón và nhiếc rầy "Thật chàng quá lờn mặt, 30 gan mới đem mây đưa trẻ này về đây. Nó là giồng đối vua chúa, sao chàng lại tàn nhẫn đánh đập đến nỗi vết tích máu mũi đầy mình. Hãy tức khắc đem bán đi và kiếm đứa khác cho tôi". Chồng nghe lời vợ đem bán trẻ con.

Đế Thích thế theo lời, nguyện của Công chúa liền đổi ý cho người Bà La Môn đưa qua nước Diệp Ba.

Đến xứ ấy, các quan và dân nh nhìn biết con của Đông cung, châu nội của đức kim thượng, lớn nhở đều đồng lòng thượng xót liền vào tâu vua.

Vua nghe nói lây làm ngạc nhiên, cho đòi vào. Xa xa vua chợt thấy hoàng tôn, thiên tử, hoàng hậu quần thân, công phi đều khóc nước nướ. Vua hỏi người Bà La Môn làm sao có mấy đứa trẻ này? ông ta tâu "Tôi xin Đông Cung Thái Tử".

Vua kêu cháu đến và muốn ôm, nhưng nó khóc không chịu lai gần, vua hỏi giá cả. Người Bà - La Môn chưa kịp trả lời, Hoàng tôn nam tâu; "Trai định giá một ngàn bạc với một trăm bô cái, gái thì hai ngàn bạc với hai trăm bô cái".

Vua nói rằng: Lễ thưởng t h i người ta yêu chuộng con trai hơn con gái, sao trai lại rẻ giá hơn gái"? Hoàng tôn nói : "Tâu Bệ Hạ, những cung phi mỹ nữ của Bệ Hạ không phải là quyền thuộc của Ngài, người thì hèn hạ, kẻ lại hoa đòi: những ai được Hoàng thưởng yêu thì được tặng phẩm tước. Trang điểm mỹ lệ, ăn uống sung sướng! Ngài chỉ có một mụn con trai mà Ngài đầy chôn non cao r ử n g râm, còn Ngài thì sớm tối sung sướng với cung phi, chẳng chút đoái hoài đến nghĩa cha con . Đó rõ ràng con trai ít có giá trị hơn gái".

Thoạt nghe, vua liền tỉnh ngộ, khóc than rằng: "ta cố tội cùng cháu, lẽ nào cháu chẳng chịu

l ai cùng ta? Ghét ta hay sợ người Bà La Môn?" Hoàng tôn vội tâu: "Chúng con đâu dám tự phép-ghét Hoàng thượng và chúng con cũng chẳng sợ người Bà La Môn này. Xưa chúng con là con vua cháu chúa, nay lại tội tớ' kẻ phạm phu làm sao dĩa nỏ bực lại dám lòn dưới tay Hoàng - thượng? Bối vậy nên chúng con không thể' tự tiện làm việc ấy

Hoàng tôn dứt lời, vua thêm sầu muộn. Liên đó Thánh Hoàng trả theo giá định của người Bà La Môn, rồi kêu cháu, hai trẻ chạy vào lòng Ngài. Vua ôm cháu vuốt ve và hỏi: "cha con ăn mặc như gì trên núi"? hai cháu nói : "cha con ăn toàn trái cây, mặc cốc, mặc áo vải quần nâu, c ế trăm thứ chim làm cho cha con được giải khuây và không chú chi phiền".

Vua cho người Bà La Môn về.

Hoàng Tôn tâu: "Người Bà La Môn đói khát, xin Thánh Hoàng cho người một bữa cơm".

Vua nói: "Vậy chỗ' cháu khôn ngoan sao, lại còn lo cho n an uống nữa"?

Hoàng Tôn tâu: cha hại con ha tu phước huệ, đến nỗi không có vật chi để' bô thí nên đem ha

c on cho người, người là chủ của con, chúng con rất tiếc chưa làm nô lệ cho người, hờn khỏi phụ lòng bác ái của cha con. Chúng con sao đành để người đói khát. Cha chúng con còn cho chúng con được thay, huống chi bỏ thí m ộ t bú sữa cốm cô lễ nào Hoàng Thượng từ chối?"

Hay tin Hoàng tử sắp hồi trào, các loài cầm thú nhảy nhót, cảm động, kêu gào tha thiết, suôi khe bông cạn, thú cái dứt sữa, chim chóc hát tiếng như than như sầu

Hy hữu thay cho loài cầm thú cũng biết thương đau khi vĩnh biệt!

Vua lại cho sứ giả đi triệu Đông Cung về, được lệnh, sứ thần đi tìm Hoàng Tử; tới núi Đản-Đặc liền đọc thánh chỉ và xin Đông cung lập tức về cung.

Đông cung và Công chúa đổi y phục lên đường.

Đông cung đáp: "Hoàng Thượng đã đầy ta tới núi này 12 năm và còn một năm nữa mới mãn hạn, chúng nào hết hạn ta sẽ về chăng muộn".

Nghe tin Đông Cung về nước, vua nước địch dạy thám tử bắt bành vàng cho bạch tượng, l a i đem theo một ô vàng đựng bạc, một ô bạc đựng vàng đón đường. Thái Tử xin trả lại và to' đầu ăn năn. hồi ngộ cùng Hoàng tử như vậy: "Trước kia bối mê muội tôi cố xin Ngài voi báu, vì tôi nên Ngài phải bị đầy ở' chốn lâm sơn rừng rậm. Nay nghe tin Ngài về nước, tôi rất vui mừng cho khâm sứ đưa bạch tượng trả lại cho, Ngài cùng dâng chút bạc vàng, rất trông mong được Ngài hạ cố và thứ lỗi cho tôi".

Sứ giả về tâu lại cho vua nghe rồi Thánh Hoàng tử tay hạ bút đề thơ cho Thái tử vậy: " Con thật đáng vì hiền nhân, nên lấy dạ khoan hồng chuyện đã qua, còn giận dữ có lợi ích gì, mà không trở về tổ quốc? Cha đời con về dựng đoàn viên cộng - hưởng sự an vui".

Đông cung nói: "Giả như m ộ t người kia sắp sửa các thức ăn đủ mùi vị và dùng cho ai dùng, người ấy ăn vô rồi, nhả ra, thức ăn đó có tình khiết chẳng? họ lượm lại ăn được chẳng? Các việc bỏ thí của tôi chẳng khác chi đồ ăn kia, thế thì tôi không thể

Khâm sứ mang bức thư cho Đông cung. Tiếp chiếu, Hoàng Tử liền quỳ lay trước mặt chiếu, đoạn lui lại, đi vòng mặt chiếu bày vòng rồi mở khai thơ ra đọc.

bắt lại voi. Các quan hãy lên
tướng mà về nói lại tôi c ó
lời cảm tạ nhà vua".

Thăm tử lên voi về tâu lại n
nhà vua. Cũng nhờ câu chuyện
con voi mà vua nước địch được
tỉnh ngộ. Trở nên người hiền,
thành bậc trượng phu, vua quan
và dân lại tín ngưỡng đạo Bồ
Đề và bắt đầu hành pháp vô-
thượng Ba La Mật Đa.

Hoàng thượng, cha Đông Cung,
ngồi voi đón con. Hoàng T ử
chặt thây, vội trỗi bước, đánh
kê sát đất rồi theo vua cha.
Cả thấy vạn quan, vô tướng và
kê dân rất hoan hỷ đồng rải
bông đốt hương trầm, treo cổ
long, rưới nước thơm dưới đất
làm lễ tiếp rước Đông cung l
một cách long trọng linh đình
Đông Cung đã về tới thành
liên vào lay và vân an Hoàng
Hậu.

Hoàng Thượng giao cho Đông-
Cung hết thảy kho tàng trong
nước. Thái Tử đem ra bố thí
cho thập phùng và còn nhân
đức hơn xưa. Sự bố thí c ử a
Ngài viên mãn say này Ngài
sẽ chứng quả Niết Bàn.

Đức chánh đẳng nói với ô n g
A Nan"đó là cách ta hành pháp
bố thí trong một tiền kiếp
của ta".

Đông Cung Tu Đại Noa(Sudhanâ)
là ta đó vậy;

Cha Đông cung lúc đó tức là
cha của ta bây giờ, tức là Hoàng
đề Tịnh Phạn(Suddhodara); Mẹ
Đông cung khi ấy hiện nay là
bà Ma-ya(Mâyâ)

Công chúa khi trước hiện nay
là bà Da Du Đà La.

ông A Châu Đà bây giờ là Mục
Kiến Liên.

Đề Thích là Xá Lợi Phất.
Thọ sản lúc ấy hiện nay là A
Nan Da.

Con trai Da Ly hiện giờ là con
trai của ta La Hầu La.

Con gái Kê na Diên bây giờ là
me của La Hân Mật Li.

Người Bà La Môn xin hai trẻ
thờ bây giờ là Điều Đạt:

Vợ của Bà La Môn là Chiên Đà
Ma Na.

Đó là sự phiền não và đau đớn
ta chịu trong vô lượng kiếp và
cũng trong vô số kiếp ta làm
lành như thế".

Phật nói cùng ông A Nan:" A-
Nan, ông hay luôn luôn gìn giữ
kính này đừng diển giải cho
tăng chúng nghe".

Đó là cách của Bồ Tát hành bố
thí Ba La Mật Đa.

(Phỏng theo "Kinh Đông Cung Tu
Đại Noa" trong quyển "6 phép
Ba La Mật):

LỜI GIỚI THIỆU

QUỐC-SỬ TẬP-LỤC

Với mục-đích bảo-tồn văn-hoá dân-tộc và thiết-thực hơn, với mục-đích cung-hiến một số tài-liệu tham-khảo cho giới học-giả khảo-cứu về lịch-sử Việt-Nam, và nhất là các nhà mỗ - phạm người mình soạn sách Việt-sử cho các con em ở hải - ngoại, chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải dưới mục này những tài liệu về Quốc-su đã sưu-tầm được tại các thư-viện cùng các tư-sách tư-gia ở Âu-Mỹ.

Tài-liệu đầu tiên chúng tôi hân-hạnh giới-thiệu với quý-vị độc giả là cuốn VIỆT-NAM PHONG-SỬ của cô học-giả NGUYỄN VĂN MAI theo bản dịch của học-giả TẠ QUANG PHÁT,
MẠC KHÁCH

VIỆT-NAM PHẬT-GIAO KHẢO-LUẬN TẬP

Từ lâu Phật-giáo Việt-Nam đã từng làm đề-tài khảo-luận cho nhiều học-giả nước nhà. Ngoại-trừ một số ít bài được in thành sách phần lớn đã được đăng trên báo-chi ở Việt-Nam đến nay rất khó kiếm lại được.

Gần đây chúng tôi có may-mắn sưu-tầm được một số tập - chí xưa trong đó có đăng khá nhiều bài khảo-luận về Phật-Giáo Việt-Nam. Bởi vậy, chúng tôi đã có ý-nghĩ sưu-lục những bài vừa được biên soạn công-phu nhất lại có liên-quan tới văn hoá Việt-Nam, để lần lượt công-hiến quý-vị độc-giả.

NGUYỄN DOãn CAN LỘC

Ban Biên-tập Đặc-San Viên-Giác xin thành-thật cảm-tạ học-giả MẠC KHÁCH, học-giả NGUYỄN DOãn CAN LỘC và học-giả TẠ QUANG PHÁT đã nhận lời mời cộng tác cho Đặc San Viên-Giác những mục trên trong năm tới. Chúng tôi cung thành thật xin lỗi vì không có địa chỉ của một số quý-vị học-giả để xin phép cho tái đăng các bài của những vị đó trong những số báo Viên Giác tới. Kính mong quý vị niệm tình thứ lỗi cho. Xin thành thật cảm ơn Quý-vị.

GHÌ LẠI MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH



Thích Như Điển

Sau khi đi hết năm châu, vượt qua bốn bể, hôm nay ngồi lại đây để viết vài giòng về những chuyến đi xuyên qua các địa lục bằng nhiều phương tiện khác nhau, nhằm giới thiệu, phân tích cũng như tìm hiểu về văn hóa, tôn giáo, phong tục, tập quán của từng dân tộc mà chính người viết bài này đã có cơ hội đi, đến, tiếp xúc, học hỏi, hoặc nghiên cứu những vấn đề trên...

Ngày xưa, khi con người chưa văn minh, tiên bộ mỗi khi đi chuyển từ chỗ này đến chỗ khác quả là một vấn đề rất khó khăn và phức tạp. Con người từ chỗ chỉ kìm cớ lẽ nhưg việc ăn, uống, ngủ, nghỉ cũng không khác gì mây. Nếu xưa có khác nay, chỉ khác về sự tiên bộ về trí óc mà thôi. Nếu hiệ u như vậy chúng ta có thể nói rằng: đầu ngày nay những phòg tiện chuyên chở nhanh chóng như máy bay phản lực, máy bay thường, tàu điện, tàu lửa, tàu thủy, tàu ngầm, xe hơi, xe gắn máy, xe đạp... hay trung bình những chậm chạp như xe ngựa, xe bò, xe lừa, xe kéo v.v. và chậm nhất có thể nói là đi bộ. Nên chúng ta có thể nói rằng: đi bộ là khởi điểm của tất cả những tiên bộ sau này.

Nếu bảo Á Châu là nguồn gốc của văn minh, là khởi nguyên của vũ trụ, là nơi phát xuất ra những bậc Thánh nhân như Khổng Tử, Lão Tử hay Giác Ngộ thành Phật như Đức Thích Ca Mâu Ni hoặc cao thượng như Đức Chúa thì hãy so sánh với Âu Châu, với nền văn minh cổ đại của Hi Lạp, của La Mã, với những nhà hiền triết như Nietzsche, Freud (Đức) Platon, De-

carte (Pháp).

Nếu bảo Mỹ Châu là xứ mới được phát minh còn sơn trẻ-có nền văn minh tuyệt diệu hoàn cầu, nhưng không có một nền văn hóa cổ truyền lâu đời như Kim Tự Tháp của Ai Cập, hay Đền Thiên, Đền Thích của Cao Miên thì hãy sánh với Úc-Châu - là nơi gần giống da vàng mũi thấp, thông minh và trầm tĩnh - nơi đó lại dưỡng sinh những người da trắng mũi cao cũng đã di dân từ những vùng đất lạnh tử Âu-Châu đến.

Còn Phi Châu có lẽ vì khí trời nóng bức, vật chất khô-khàn, sự ảnh hưởng văn minh từ các châu khác đến dường như bị những trận cuồng phong của sa mạc cuốn mất đi theo chiều gió, nên Phi Châu có vẻ khô cằn và trông ra thê thảm.

Nếu bảo người da đen ở Mỹ hay ở Phi Châu là hiện - thân của sự biến hóa thì hãy xem gương người Nhật ở Á Châu, người Đức ở Âu Châu để học hỏi những sự nhẫn nại, cố gắng siêng năng, chăm chỉ để giúp cho mình có một bài học cao quý trong đời.

Ái bảo người Pháp sống với văn chương, người Anh sống với ngoại giao, người Đức với thương mại, giáo dục thì người Việt Nam có lẽ cũng còn có giá để so sánh một phần nào khi đứng ra làm trạng sư hay luận thuyết hơn thua.

Người Âu Châu giàu có nhờ kỹ nghệ, người Mỹ Châu sang-trọng nhờ vào tài nguyên thiên nhiên, người Nhật sau bại chiến 1945 nghèo nàn, lạc hậu, ngày nay đã phủ cường và vững mạnh về kinh tế, chính trị, văn hóa... gần như nhì ba trên thế giới. Ấy chỉ nhờ tinh thần đoàn kết biết hy sinh cho Quốc gia đại sự. Còn người Việt Nam chúng ta trí não chớ thua ai, đánh giặc nào cũng thắng, nhưng đánh giặc lòng không thắng, nên đất nước mới loạn ly, nhân tình mới phân tán trải qua hằng mấy mới thế kỷ. Không có một cường

quốc nào có thể địch nổi với quân Mông Cổ vào thế kỷ 13 kể từ Âu sang Á, nhưng Việt Nam ta đã chiến thắng vẻ vang. Cũng chả ai dám bì nổi với thực dân Pháp, đi ngó sau cửa Mỹ, nhưng rồi người Việt Nam ta vẫn anh dũng ca khúc khải hoàn là được thoát ra khỏi vòng đô hộ, nhưng rồi ngày hôm nay, khi dân tộc ta bị người Nga thống trị - không - chế bởi những người Cộng Sản ngu dốt Việt Nam - rồi mai đây - nhân dân ta sẽ đánh bại một con sói cả Á lẫn Âu, nhưng ta thử hỏi tại sao ta không được hoà bình, ta không được phú cường như bao dân tộc khác? lẽ ra khi ta chiến thắng á ng ngoại xâm, ta có thể xây dựng quê hương ta giàu sang và vững mạnh mới xứng đáng được với sự hy sinh xương máu, công nghiệp của tiên nhân ta đã dày công dựng nước và giữ nước trong suốt giống lịch sử vùla qua? tại sao ta vẫn thấy còn lê loi khi ở xứ người và vẫn chưa tự hào được một cái gì với thế giới cả? có phải vì chúng ta không tin nhau hay sao? hay vì chúng ta không thương yêu nhau mà chúng ta cứ câu xé lẫn nhau? nếu chúng ta không đoàn kết được để tạo nên sức mạnh thì ta hãy nghĩ rằng:

"Một cây làm chẳng nên non
Bà cây dùm lại nên hòn núi cao"

Nếu ta cứ tranh nhau để sống và câu xé, giết hại lẫn nhau thì chúng ta hãy nghĩ rằng:

"Khôn ngoan đã đáp người ngoài
Gã cũng một mẹ chớ hoài đá nhau".

Ta thắng được giặc ngoài nhưng ta không thắng được giặc lòng của chúng ta. Đó là một điều dở của người Việt, nhưng chúng ta đã có Phật Giáo lâu đời trong lòng dân tộc, tại sao chúng ta không nghĩ và thực hành lời dạy của Đức - Phật:

"Chiến thắng muôn quân không bằng, tự thắng mình.
Tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất".

Người Việt Nam ta nếu đem so với người trên năm châu bốn bể, quyết rằng ta chẳng thua kém người nào, nhưng nếu ba người Nhật, ba người Đức, và ba người Việt Nam ngồi lại

với nhau để thảo luận một vấn đề gì chắc chắn rằng ba người Việt Nam sẽ thua trước. Vì phong dao Việt Nam chúng ta có câu là:

"chín người, mười ý"

nên có lẽ vì thế mà chúng ta chẳng đồng với ý của những người khác chăng ?

Ba người Nhật, ba người Đức họ sẽ chỉ một ý kiến hay một trăm người Nhật cũng chỉ một ý kiến, còn xét lại người Việt Nam ta có lẽ có hàng chục ý kiến, những ý kiến nào cũng chẳng giống ý kiến nào, đôi khi những ý kiến đ.ư.ợc nêu ra lại mâu thuẫn lẫn nhau không cùng một mục đích, để rồi mang đến một sự cãi vã, đ.ố. v.ớ.

Vấn chương bình dân Việt Nam chúng ta có câu rằng:

"Quảng Nam hay cái
Quảng Ngãi hay lo
Bình Định hay co
Thừa Thiên nich hết"

Có lẽ cái bệnh cái ngày nay không còn dành riêng cho người Quảng Nam mà nó đã như một cái dịch bị lan - truyền khắp trong châu thân của mọi người Việt Nam, chủ nó không còn bị giới hạn nữa.

Ồi ! đau đớn biết dường nào ! khi đất nước ta bị người Cộng Sản xâm chiếm và nắm quyền, đàn áp dân chúng, thì ta lại đ.ộ. thua vì người Mỹ, người Tàu, người Nga, người - Nhật, người Pháp, hay đ.ố. tội cho Tôn Giáo này, Tổ Chức kia tranh đấu chống đ.ố. để làm lợi cho Cộng Sản, mà chưa có một ai biết tự trách là chính nhân nhân Việt Nam vì chúng ta không hoàn toàn có trách nhiệm đối với Tổ Quốc ta. Chính mỗi cá nhân người Việt Nam chúng ta cũng đều có bổn phận và trách nhiệm trong sự hưởng cũng như vong vậy.

Ai thương chúng ta bằng chính chúng ta tự thương chúng ta, ai có hại chúng ta cũng không bằng chúng ta tự hại chúng ta. Người ngoài nhận thế yếu ấy mà thọc gậy bánh xe, mà phân chia nội bộ, chỉ nếu ta vững, ta chỉ một lòng thì làm sao con trùng bên ngoài có thể xâm nhập vào nội thế của chúng ta ?

Than ôi ! khi quốc biên mới thấy nhà tan thì chuyện đã trễ lắm rồi, mà chúng ta há chẳng nghĩ đến câu: "Phòng bệnh hơn chữa bệnh" sao ? Thế thì chúng ta nói hay mà làm dở, ngược lại người Nhật nói dở mà làm hay, nên đã đổi đ ứ ở c thế cố. Lúc thua trận năm 1945, Nhật gần như là chủ hầu của Mỹ, nhưng ngày nay, sau 30 năm chỉnh trang lại đất nước, người Mỹ cũng không dám khinh thường người Nhật mà c ó n mỗi mөг Nhật ở nhiều phưong diện như một người khách quý. Bởi thế cho nên người Nhật mới bảo rằng: "sau 30 năm, ngày-nay như một giấc mộng".

Nói như trên để tự trách mình như Thánh nhân vẫn thường hay dạy: "tiên trách kỷ rồi hậu mới trách bĩ" cho thuy ậ n l ẽ đ ổi và mới đứng với chơn tính thân của Phật Giáo, chứ không phải xem thường hay ngược đãi người nào. Chúng ta muốn khỏi bệnh chúng ta phải uống thuốc, bằng không thì sẽ bị c ó n bệnh kiêu căng, tất đồ hoành hành, chẳng ai chữa trị được cho ta ngoại trừ ta.

Người Việt Nam ta tiếng là thông minh, hiền lành, chất phác nhưng không hiểu tại sao những cái khôn vẹt, mà lanh ta đã bị ảnh hưởng bởi ai mà ngày nay nó phá hoại cơ thế chúng ta làm thế ?

Sách vở Thánh hiền, kinh điển Chúa, Phật, luân lý, đạo đức... chúng ta có đủ hết không thiếu môn nào, nhưng có lẽ ít có người lưu tâm nên sách vở kia mới bị mối đục khoét l ầ u ngày đã nát gáy, sờn chường, do đó con người Việt Nam chúng ta vẫn còn một cơn bệnh trầm kha !!!

Khi tôi đã đặt chân lên xứ Nhật - sau một thời gian học hỏi nơi xứ người, tôi đã thất vọng, nên tự bảo với mình rằng: "phải chi hồi xưa mình đi du học ở Việt Nam vẫn còn hơn". Cho nên ngày xưa khi Ngài Dōgen (Đạo Nguyên) thiên si (1200-1268?) Tō khai sơn Tào Động tông của Phật Giáo Nhật Bản khi sang Trung Quốc du học, lúc về lại nước có người hỏi Ngài. Ngài qua Trung Quốc để học được gì? thì Ngài trả lời: "ta đã học mất năm ngang, mũi thẳng". Nếu bảo chi học được thế thì ở Nhật cũng biết được điều đó chứ cũng phải lặn lội sang Trung Quốc học hỏi mấy chục năm trường! Thế ra công trình của Ngài sang Trung Quốc chỉ học được có chừng ấy thôi ư?

Điều này cho ta thấy rằng học ở đâu cũng không bằng học ở chính mình, tìm cầu ở đâu cũng chẳng bằng tìm cầu ở nơi mình, nên học Đạo là vậy đó. Đi để chỉ tìm hiểu thêm, thật ra muốn tu cho chúng đạo hoặc muốn phước hiện ra một chấp lý thì hãy tìm với chính mình. Dẫu ở Nhật, ở Nga, ở Mỹ, ở Úc ở Pháp mà ta không phải là ta thì không còn tìm đâu được ra cái nhân tính của ta cả.

Có nhân ta thường bảo: "Đi ngày đàng, học sàng khôn". Điều đó chớ sai, nhưng cái học đó chỉ là đi tìm kiếm bên ngoài thân thể, còn bên trong ta phải tự tu và tự giải thoát lấy. Có giữ giới mỗi sinh định, có định mỗi sinh huệ - huệ không thể tìm cầu từ bên ngoài mà có được. Những người chưa hiểu chuyện tìm cầu thì bảo rằng ý kiến trên là cực đoan bảo thủ, nhưng thật ra những điều đó không có mỗi bề gì, bởi vì chữ Phật, chữ Tō Sư và chữ hiền thánh Tăng đã thực - hành những hạnh nguyện đó từ khi vũ trụ này lúc mới hình thành.

Ngày nay cái họa diệt vong, cái mầm diệt chủng đã gần kề, nhưng chúng ta - người Việt Nam vẫn chưa ý thức, không biết ai ý thức dùm cho chúng ta đây - hãy tự xét mình thử xem!

Biết bao nhiêu lần tôi đã có dịp bay ngang qua lại trên

bầu trời Việt Nam, thấy và nhớ phổ phưởng, thị thành muôn
thứ, nhưng không có quyền và không được quyền ghé thăm
quê hương đất nước khi mình, là người không cùng chính -
kiến với người Cộng Sản. Chắc không, có dân tộc nào đau -
khổ bằng dân tộc ta, cũng chả có đất mẹ nào bị dày - xéo
như đất mẹ của chúng ta. Ôi! giang sơn, gấm vóc, ôi lòng -
người! ôi! bẽ' hận!

Tại sao nghèo như Tích Lan, hay khô cạn cỏ cháy nơi sa -
 mạc như những xứ Phi Châu mà họ vẫn có hoà bình, độc lập
có hỏi tho' tự do? Quê hương ta được xưng tụng là giàu
có, người Việt Nam ta được ca tụng là thông minh, nhưng
sao chúng ta không sống được trong hoà bình? không sống
được nơi quê hương mình để tôn thờ và phụng sự?

Nhiều lúc thấy buồn, thấy tủi... mặc dầu tôi đã biết rằng
tất cả đều là vô thường, là biến đổi, nhưng lòng mình vẫn
còn vẫn vương, khi lâm dân không có nước, lâm bạn không có
bè...

Nước vẫn chảy xuôi, nhưng thuyền ai cộn chống ngược, nên
việc lên bờ có được hay chẳng phải cố chống chèo mớ í
khởi, nếu không thì sẽ bị giống nước cuốn trôi làm cho
ta hoang phí cả một đời.

Quê hương ta là thế đó, dân tộc ta là vậy đó, và đạo pháp
ta là thế này đây - ta phải làm và ta phải xây dựng. Chớ
ta, phải thực sự tôn trọng lẫn nhau, vâng lời nhau và tin
tưởng nhau để tạo thành đoàn kết. Có đoàn kết mới có sức
mạnh - mới có thể giữ nước, bằng không chiến thắng để rồi
chỉ chiến bại - cũng chỉ để làm hại một đời người, một thế
hệ mà thôi...

Lần đầu tiên tôi đặt chân trên đất Phi Châu, cảm - tưởng
của tôi lúc ấy là thấy mình đã thực hiện được một cách

đầy đủ - là năm châu, bốn bề đã biết qua và giữ đầy sông núi, tình người hầu như đã có cơ duyên để tìm hiểu.

Ở đây (Tunêsië) con người gần giống người Âu Châu, nước da ngăm ngăm, dáng cao, cằm dài, miệng rộng. Tính tình hiền - hoà, không đen đui như những giống dân khác thuộc miền Trung hay Nam Phi Châu. Nếu ai đó nhận địa lý thì bảo rằng vì họ sống gần xích đạo cũng như sống trong sa mạc nên nước da bị cháy nắng, nhưng nếu người nào không hiểu về địa lý thì bảo rằng: "da đen là giống man di mọi rợ thiếu văn minh". Nói như thế thì chả khác nào quả dưa cả năm - cũng có giống da đen văn minh mà cũng có giống da trắng cộc thiếu học, không phải da đen là dốt nát, da trắng là lỗi lạc tài ba đâu.

Người dân bà ở miền Bắc Tunêsië thường hay quàng bên ngoài thân hình một chiếc áo trắng phủ cả đầu, còn người miền Nam thì quàng áo đen, chỉ chừa 2 con mắt. Có lẽ đây là ảnh hưởng của Đạo Hồi. Lẽ ra Đạo Hồi chỉ bành trướng ở Trung Đông, nhưng nước Tunêsië bị Thổ Nhĩ Kỳ cai - trị gần 300 trăm năm trước thời kỳ thực dân địa của Pháp - gần 100 năm - nên Đạo Hồi được mang vào truyền tại đây và dân chúng hầu hết là tín đồ của Đạo Hồi. Sau Thổ Nhĩ Kỳ là Pháp - Pháp chiếm Tunêsië có lẽ đồng lúc với Algérie và sau khi bại trận tại Điện Biên Phủ ở Việt Nam - De Gaulle bỏ Algérie và năm 1956 trao trả độc lập cho Tunêsië. Suốt 100 năm cai trị Tunêsië người Pháp cũng đã làm nhiều nhà thờ, giáo đường ở nhiều thành phố lớn như thủ đô Tunis, Tozeur, Aftsa v.v. nhưng bây giờ hầu hết những nhà thờ này đều bị lấy tất cả những thánh giá xuống và trước mỗi cửa nhà thờ đều để chừa "Bảo tàng viện" (đến đây tôi mở một đầu ngoặc về vấn đề này). Không phải vì tôi là Tu Sĩ của Phật Giáo nên đi bênh vực Đạo của mình hay có ý khen ngợi tình thân giữ Đạo của tha nhân, nhưng thật ra cái gì đúng mình có thể khen và sai mình phải phê - bình xây dựng mới đúng với tình thân bao dung, vị - tha của Phật Giáo.

Nhìn lại sử sách Việt Nam, nhất là trong triều đại Lý-Trần (1010-1400) nước Việt Nam chúng ta chỉ có thuần một Đ a o Phật, những Đ a o Phật không muốn bảo thủ cho chính mình hay mong muốn chiếm địa vị độc tôn trong xã hội thời bấy giờ mà Vua quan nhà Lý cũng như nhà Trần đều cho Đ a o Khổng và Đ a o Lão phát triển. Nên văn học Việt Nam trong 2 triều đại này được gọi là tam giáo đồng nguyên (Nho, Lão, Phật đều về một mối). Điều đó chứng tỏ tinh thần vị tha, cao thượng của Phật Giáo không uy hiếp kẻ yếu mà hay nâng đỡ người tài, dẫu khác niềm tin hay tôn giáo, nhưng vào cuối triều Trần khi Nho thịnh Phật suy thì các sư gia, các nho gia cứ đua nhau đi công kích và bài bác Phật Giáo, Nho giáo thì hay dựa vào lúc thịnh của mình để đàn áp đối phương, nhưng Phật Giáo thì không - suy cũng vậy mà thịnh cũng vậy. Ở đây chúng ta thử đọc xem tinh thần của Vạn Hạnh thiền sư dưới triều Lý thì ta thấy hiểu điều đó.

"Thân như bóng xế chiều tà,
Cổ Xuân tươi tốt thu qua rụng rổi,
Sá chi suy thịnh cuộc đời,
Thạnh suy như hạt sương rơi đầu cành".

Rồi đến khi người Âu Châu, hay nói đúng hơn là người Pháp lúc đặt nền móng thật sự cai trị Việt Nam, họ đã bỏ tiên ra để xây nhà thờ, giáo đường, khuyến dụ người Việt Nam tin theo Đ a o Chúa. Người Việt Nam cũng tin theo. Vì người Việt-Nam luôn nghĩ rằng: "Đ a o nào cũng tốt cả", nên không có ý dèm pha hay chê nhạo Đ a o khác. Tinh thần "Đ a o nào cũng tốt" có lẽ chỉ phát xuất từ Đ a o Phật chứ những Đ a o khác họ dường như không chấp nhận những đ a o khác nữa là catung hay dung thứ. Nhờ tinh thần này nên người Pháp có ra đi, họ để lại trên quê hương Việt Nam chúng ta một Đ a o lạ, những người Việt Nam chúng ta vẫn để yên và không xâm phạm đến sự truyền đ a o của Thiên Chúa. Ấy cho hay cái lòng TỬ BI, VỊ THA của Đ a o Phật nó bao la hơn vũ trụ, rộng rãi hơn n ả m châu và vô cùng trong nhiều thế giới.

Nếu ai cũng hiểu được như vậy thì mới biết Đ a o Phật, c ờ n ngược lại thì làm oan cho chủ Phật và chủ Tổ Sư đã truyền thừa cho chúng ta qua nhiều thế hệ.

Tôi đứng nhìn những Giáo Đường, nhà thờ bị lấy những Thánh giá xuống để tẩm bằng "Bào tăng viên" lên, tôi liền tưởng đến người Cộng Sản Việt Nam ngày nay. Khi chủ nghĩa Cộng - Sản được bành trướng tại Việt Nam, họ tìm cách bôi nhọ, đàn áp, bắt bớ, giam cầm, đập phá chùa chiền, nhà thờ, thánh thất... để chỉ tôn thờ lãnh tụ và một chủ nghĩa "vô sinh". Những đứng trên tinh thần tử bi và lợi tha của Phật Giáo tôi thấy mình đang đi đứng dằng - vì mình không bị cực đoan, như bất cứ Đạo nào hay một giáo điều nào khác. Tôi thấy mình càng vững niềm tin hơn và Phật Giáo có lẽ là một Tôn Giáo có sự bình đẳng ít có Tôn Giáo nào có thể sánh kịp. Vì Phật Giáo vẫn luôn luôn quan niệm rằng:

"Có thời có tự mây may,
Không thời cả thế gian này cũng không,
Cho hay bóng nguyệt giồng sông,
Nào ai hay biết có không là gì?".

Đứng từ quan niệm này chúng ta an tâm để làm việc Đạo, chúng ta không hận đời, giận đạo khi Tôn Giáo mình nhiều, hay ít tín đồ. Có thể nói trong lịch sử Tôn Giáo của nhân loại, chỉ có Phật Giáo là không đi chinh phục tín đồ bằng bạo lực hay vật chất trên bước đường truyền giáo, không cấm dâm, không thoa son trét phấn bề ngoài, ai hiểu thì theo không hiểu Đạo Phật cũng không sao. Bước đường truyền Đạo của Phật Giáo qua 25 thế kỷ từ Ấn sang Âu, từ Âu sang Mỹ, hay Phi châu hoặc Úc Châu chưa có một Quốc Gia nào hay một triều đại nào nhân danh Phật Giáo để đi truyền - giáo bằng con đường chiến tranh và bạo lực.

Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa vào thế kỷ thứ 6 cũng chỉ đi bằng hai tay không mà cũng đã truyền Thiên cho đến thời Lục Tổ Huệ Năng. Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi đến truyền Thiên cho Việt Nam qua bốn đời ngài Lâm Tế và Tào Động cũng đã chỉ mang một loại khí giới nào để đi chinh phục lòng người ngoài lưỡi gươm trí tuệ để đoạn diệt vô minh. Từ những thời cực thịnh như nhà Lương ở Trung Quốc, thời Hoãn Đế A Dục ở Ấn Độ, thời Thánh Đức Thái Tử ở Nhật hay Lý - Trần ở Việt Nam... khi Phật Giáo thịnh thì cả dân tộc ấy đều thịnh cả, nhưng không có một triều đại nào nhân

cái thịnh đó mà lợi dụng để đi chinh phạt nước khác để truyền Đạo Phật của mình cả.

Suốt cuộc đời 80 năm của Đức Phật, Ngài cũng chỉ có một lưỡi gươm duy nhất thật sắc bén để đoạn diệt mọi sự vô minh phiền não, từ bên trong ra hoặc từ bên ngoài đến, để tự chiến thắng mình hay cảm hóa người ngoài đi chẳng nữa cũng đã chẳng có một giọt máu nào rơi, mà Ngài đã giết sạch được tất cả các giặc tham, sân, si, mang nghi, ác kiến... chỉ bằng một lưỡi gươm trí tuệ. Chỉ có trí tuệ mới đoạn sạch được vô minh và phiền não, nếu không - chỉ có tính cách giai - đoạn và sẽ không trường tồn vĩnh cửu.

Nhìn người dân bà Tunisie thấy họ đi đường gần như người dân bà Nhật. Ngoài đường phố hay trên đồng ruộng thường hay thấy đàn bà hay làm việc, bán buôn. Trong khi đó đàn ông hay ngồi chuyện trò trong quán Cà-phê hoặc nhà hàng hay nơi du-hí. Suốt ngày cứ thấy họ la cà đây đó và tuyệt nhiên không thấy bóng dáng của người đàn bà nào cả.

Ái cũng rất đỗi ngạc nhiên khi nhìn những nhà cửa nơi đây. Thoạt trông như bị sụp đổ, nhưng không phải vậy, vì họ xây xong phần nào thì ở phần này, không chờ đến lúc hoàn thành. Nhìn suốt dọc đường, quanh thành phố thấy nơi nào cũng như nơi này cả.

Ngoài đường xe hơi, xe gắn máy, xe đạp, xe ngựa, xe lừa, lạc đà cũ... đi ngổn ngang, chằng to một xã hội thật vô cùng nhát trật tự. Những con lừa thật nhỏ nhưng trên lưng phải có hai người ngồi trên thân hình bé nhỏ của con lừa nữa trông rất thảm thương tội nghiệp. Ở đây người ta hành - hạ súc vật quỉa, đâm ra thường hại. Có lẽ nghiệp duyên của những con này còn nặng nên phải bị đầu thai nơi đây, nếu chúng được sanh sang Âu Châu hay Mỹ Châu thì sẽ sung sướng biết dường nào. Chắc chúng phải tu thêm nhiều kiếp nữa mới được.

Lúa thường hay chớ hai bên hông hai giỏ nước để cho người dùng hoặc giặt rửa. Nước ở đây quý như hoặc hơn vàng, vì ở đây mỗi năm chỉ mưa chừng 12 phân nước, nhà nào cũng có bồn chứa nước trên lầu hoặc đào giếng để lấy nước tưới cây. Trồng sâu thăm thẳm đến tận cùng của đáy giếng, nhưng chỉ thấy một vài giọt nước đọng lại, nên cây cối cũng phải chịu chết dần chết mòn. khắp cả núi đồi vùng Tunis mãi cho đến vùng sa mạc như Tozeur, Nefta không có một cây cỏ thụ nào cả, toàn là những cây mọc không khỏi mặt đất, cũng chỉ vì thiếu nước, ngoại trừ những cây chà là thật ngộ nghĩnh - trông hơi lớn hơn cây xương tể và nhớ hơn cây dứa ở xứ mình và quả ra như những buồng cau ăn trâu - trái ăn ngọt, lém cả môi người. Vùng Bắc trông chà là ít được, chỉ có vùng sa mạc thì chà là ủa sống hơn.

Ở đây thật có nhiều chuyện lạ: - chanh thật ngọt. Điều này nói chẳng ai tin, nhưng khi ăn xong mới biết. Hình dáng như quả chanh thường, mới bắt đầu bóc vỏ chúng ta có thói thường, là chảy nước miếng, nhưng khi bỏ vào ở trong miệng thấy ngọt liếm như đường.

Cây xương rồng hay nói đúng hơn là cây lưỡi long theo người Việt Nam mình thường gọi có quả và quả này ở đây họ bán đầy đường và trong phố chợ.

Có một điều hơi lạ nữa là rau cỏ ở đây thật hiếm, nhưng họ không biết ăn, lá củ cái hay lá rau hành họ vứt hết trại. Không biết họ không biết ăn hay dân ở đây chưa biết ăn. Có lẽ chính họ mới biết được.

Đi thăm vườn cam, vườn lựu và quýt tôi thấy rau đến mọc đầy đồng, xanh tươi mơn mớt, nhưng họ chẳng ăn, để trở bông - rồi già, rồi chết.

Ra ngoài chợ để đi mua đồ tôi thấy du khách Pháp, Đức, Anh thật nhiều, họ chần nhau giữa người với người, giữa người với vật - giữa bụi bặm với tiếng hò reo, nhưng thấy họ vui mừng ra phết - tôi chả hiểu tại sao, nhưng có lẽ vì họ đã sống lâu đời với văn minh vật chất tiện nghi của Âu-Châu, giờ đây họ muốn sống với thiên nhiên với tự do trong bụi bặm cho thoải chí hay sao mà thấy ai cũng vui vẻ cả, nhưng theo tôi nghĩ vui vẻ nhất đối với người xứ lạnh có lẽ là cái nóng của xứ này. Trong khi Âu Châu 5°c độ thì Tunisie còn tắm biển được (30°c). Họ tha hồ mà phơi nắng ở trên bãi biển, trên sân thượng của Hôtel, trong khi người bản xứ sợ đen da nên thấy nắng là đi tìm bóng mát để núp, quả thật cuộc đời là một cái gì hay mâu thuẫn, khó nói và thật khó giải thích. Có lẽ im lặng thì đúng với triết - lý hơn.

Ví dụ như người Nhật, nếu ăn canh không kêu thành tiếng - kẻ đồ là kẻ yếu, không đáng là người, nhưng ngược lại người Âu Châu điều đó là mất phép lịch sự. Trong khi đó cái lịch sự của người Đức là ngồi hí mũi ngay cả trên bàn ăn, mà điều này người Nhật cho là vô lễ nhất chớ có cái gì sánh bằng. Khi người Âu, Á, Mỹ, ưc sơn móng tay, móng chân màu đỏ, màu hồng cho là đẹp, trong khi đó người Phi châu sơn chân sơn tay màu đã hay màu đen mỗi khi có cưới hỏi hay tiệc tùng thì họ cho là đẹp. Đối với vẻ đẹp của từng dân - tộc chúng ta không nên phê bình đến, nhưng ở đây nêu ra một số thí dụ điển hình để chúng ta tùy nghi mà nhận xét và làm cho thích nghi với từng hoàn cảnh xã hội. Vì ta thường hay nói là:

" Nhập gia tùy tục,
Nhập giang tùy khúc " kia mà.

Bước vào chợ, người ta thấy bày la liệt từ thứ đồ - từ áo quần, mền nệm, thậm chí đến đồ ăn thức uống. Thấy thoáng một ông thầy thuốc đi qua đi lại lấy tiền người bán hàng trông giống như những khu chợ nhà quê trong những xóm làng Việt Nam xưa.

Đặc biệt ở đây có thể nói là ruồi. Ruồi đầu mà nhiều thế, ban đầu còn xua đuổi chúng đi, nhưng khi tay chân có người mệt mỏi thì mình cũng cố thả li cho chúng tha hồ mà bu đậu.

Tôi được một gia đình quen từ Pháp đưa sang đây để thăm Tunisie và đã đến ở Nabeul với người con trai hiện đang làm Bác Sĩ trong một bệnh viện gần đó. Cả gia đình vất vả đã có dịp đi thăm nhiều nơi trong xứ. Đặc biệt phải nói là nơi những sa mạc đồng khô cằn như Tozeur, Nefta.. của Sahara gần tận biên giới Algérie.

Càng đi sâu vào miền Nam Tunisie càng thấy cây cối càng còi, ít ỏi, chúng tôi đã đi đến nơi cuối cùng cối sống của cây cỏ. Đó là Tozeur - nghỉ đêm trong một khách sạn gọi là Oasis - Oase là sa mạc - cả tiếng Pháp lẫn tiếng Đức đều đồng nghĩa như thế, nhưng tiếng Nhật, tiếng Tàu và cả tiếng Việt Nam thì có nghĩa giống nhau nhưng có lẽ hơi khác nghĩa chữ Oa - một chút. Sa (沙) có nghĩa là cát, mạc (漠) có nghĩa là bãi, nhưng chữ mạc có bộ thủy của chữ - nhỏ ý nói là có nước, nhưng thực sự thì trong sa mạc kg không có nước chỉ có những chỗ đọng lại mới gọi là Oasis.

Trong bãi cát có một loại đá trông thật ngộ nghĩnh - đá này kết tinh bằng chất muối, nên khi lấy khỏi mặt đất, bị ánh sáng mặt trời chiếu vào thì đá kia chảy nước liên hồi.

Đến Tozeur để xem mặt trời lặn, đó cũng là mục đích chính của chúng tôi. Ai cũng bảo rằng Tozeur là nơi đẹp nhất của vũ trụ lúc hoàng hôn, nên ai cũng nôn nóng chờ xem - giờ mặt trời đi ngủ. Thật ra chả có gì lạ hơn ở Âu hay ở Mỹ, nhưng có lẽ nhờ ở đây là vùng sa mạc không có cây cối gì cả, nên người ta dễ thấy cái tận cùng của mặt trời lúc

lặn xuống chẳng ? thật ra ở đâu thì mặt trời cũng mọc ở phương Đông và lặn ở phương Tây, cũng chả có điều gì khác lạ. Trong sa mạc chỉ có một vài con lạc đà đi lủng-
thũng đó đây để tìm thức ăn vật uống, nhưng có lẽ lạc đà phải chịu đựng 5 đến 7 ngày như vậy mới có thể tìm được một cây cỏ khô hay một vài vật đã bị thiêu cháy. Bởi thế cho nên Đức Phật mới dạy rằng:

" Cái khổ của con lạc đà chớ nặng trong bãi sa mạc, ấy cũng chưa gọi là khổ - chỉ có con người ngu si không trí tuệ - ấy mới thật là khổ".

Hồi xưa khi Phật còn tại thế Ngài sinh ra lớn lên và ở xứ Ấn Độ - nơi đây không thấy có sa mạc - có lẽ cũng chả có lạc đà - chỉ có bò thôi, nhưng sao Ngài biết hết cả những chúng sanh ở khắp nơi trong vũ trụ vậy. Thật phải ca tụng Ngài hơn là:

"Thiên nhân chí Đạo sư
Tứ sanh chí Tử Phụ -

Thầy của Trời và người
Cha lành của bốn loài chúng sanh"

mới đúng được ý nghĩa thị hiện của Ngài.

Nếu đi thêm chừng vài chục cây số nữa thì sẽ đến biên-giới Algérie, chúng tôi vội quay về, vì nói đó vừa mới có cơn động đất khủng khiếp vừa qua đã làm thiệt mạng tới mấy chục ngàn người, nên đã trở về Nabeul không còn một điều gì vẫn vững cả.

Về Nabeul để tôi ngồi Thiên, sáng tung kính, để thở hít không khí trong lành của biển cả vào buổi sáng tinh - sương khi mặt trời vừa lộ dạng hay những buổi chiều thu gió hiu hắt bóng hoàng hôn.

Tunisie cũng không lớn lắm, nếu đi đến Tozeur hay Nefta chỉ tốn hết khoảng 6-7 tiếng đồng hồ xe hơi, độ chừng

500 cây số về hướng cực Nam, nếu đi con đường ven biển có lẽ sẽ dài gần gấp đôi như thế.

Sau gần 2 tuần lễ ở Tunisie chúng tôi đã trở lại Pháp như từ nhà quê đến tỉnh không hơn không kém. Ngồi ở phi trường Tunis đợi máy bay cả 2 tiếng đồng hồ, nhưng đã chả có ai buồn thông báo về sự trễ nãi ấy cho hành khách một lời nào cả. Ngồi chờ ở đây mà nhớ Việt Nam ta trong quá khứ (bây giờ có lẽ còn đầy đóa hồng?) - có lần hè 74 tôi cùng 4 người Nhật về thăm Việt Nam phải chờ suốt gần 3 tiếng đồng hồ ở phi cảng Tân Sơn Nhất để đi Đà Nẵng trong không khí oi ả của mùa hè, nhưng cũng chả có một lời hướng dẫn nào về sự trễ ấy.

Nói chung, người Tunisie hiền hòa, hiền khách trông có vẻ còn rụt rè. Họ tưởng đối thành thật nhưng bề ngoài - có lẽ ảnh hưởng người Pháp chăng?

Quê hương họ nghèo, đồng khô cỏ cháy, nhưng thấy họ sống trong hoà bình - độc lập - mình thấy mà ham.

Con người khi sống trong tự do, ít ai để ý và quý trọng sự tự do, nhưng khi mất đi rồi mới ngẫm than vãn, quả thật là điều đáng tiếc. Cũng như khi còn cha mẹ, ít ai thấy được tình thương hiển hiện, nhưng khi phụ mẫu khuất khuất bóng rồi ta mới thấy có một khoảng không to tướng chả có gì sánh kịp. Nếu lúc đó có đem mâm cao cỗ đầy đem dâng cho cha mẹ cũng chả làm hài lòng người khuất mặt mà chúng ta phải hiểu thảo với phụ mẫu tại - tiền cỡ như thế mới trọn đạo làm con. Lo là lo cho người còn sống và sự sống, nếu mất rồi chúng ta có làm gì đi nữa cũng chỉ cốt để che miệng thế gian thôi.

Trở lại Paris tôi thấy như lòng mình thoải mái, không phải vì cái tự do, cái hào nhoáng của xứ này, cũng chả phải vì Paris được mệnh danh là "trung tâm của vũ trụ",

nhưng về Paris như về lại một quê hương nhờ bề của lòng mình. Paris có ánh đèn màu, có sông Seine xanh màu nước biển, có lá vàng rơi trên những đại lộ trải dài với đầy những xe và cộ. Paris không đông người như Tokyo, nhưng có hơi ồn ào và nhộn nhịp. Người Paris sống bề ngoài hơn là Anh hay Đức, nhưng người Paris có lẽ dễ chịu và xuề xòa hơn bất cứ một dân tộc Âu Châu nào - không buồn tênh như Đức, không lạnh nhạt như Anh, không ảm đạm như Hoà Lan cũng chưa cao sang như Thụy Sĩ - Paris - thành phố mà tôi đã hơn 10 lần đi và đến - tôi thấy Paris có chút gì Việt Nam - điều đó đã làm tôi ưa thích.

Những dấu đi đâu hay ở đâu tôi chẳng thấy bằng ở quê hương mình, quê hương ta nghèo nhưng nhuộm thắm tình người, quê hương ta còn đau khổ, nhưng nơi đó đã có biết bao nhiêu anh hùng đã đứng lên dựng nước và giữ nước. Ta hy vọng ở một ngày mai - một ngày không còn chiến tranh và thù hận - một ngày chỉ còn tình thương - chỉ có tình thương mới rút hết được hận thù. Lúc đó ta sẽ cùng nhau xây dựng quê hương ta, ta quyết sẽ không cho một bàn tay lông lá nào có quyền quyết định vận mệnh của dân tộc ta cả. Vận mệnh dân tộc VN là của người Việt Nam chứ không phải của người Nga, cũng chẳng phải của người Tàu hay người Mỹ.

Đứng trên tinh thần đó ta còn an tâm - với ta là người VN - là còn chút gì với tinh thần cũng như với văn hoá Việt - Nam.

Hôm nay ghi lại những cảm tưởng này trong chuyến đi vừa qua cũng chỉ để nhớ lại một vài hình ảnh hay một vài ý - niệm về một vài dân tộc mà tôi đã có nhân duyên đã đi và đã đến. Nguyên câu cho tất cả chúng ta cũng như mọi người - luôn luôn sáng suốt cũng như đầy đủ nghị lực để hoàn thành trách nhiệm bảo vệ quê hương, quốc gia, dân tộc cũng như Đạo Pháp trong lúc xa quê hương xứ sở như thế này.

Trang Giáo lý Gia Đình Phật tử

BẬC SƠ THIÊN

T.T.Thích Thiên Ân
T.T.Thích Minh Châu
Đ.Đ.Thích Đức Tâm
Đ.Đ.Thích Chân Trí

(Tiếp theo Đặc San Viên Giác số 5)

- 1) Biết sự tích Đức Phật Thích Ca tử Xuất gia đến nhập diệt.
- 2) Biết sự tích Đức Phật A Di Đà và Đức Quán Thế Âm.
- 3) Biết ba chuyện tiến thân hay mẫu chuyện Đạo.
- 4) Biết ba ngôi báu, ba pháp quy y, sáu pháp hòa kính.
- 5) Hiểu ý nghĩa ăn chay niệm Phật.
- 6) Hiểu và thuộc nghi thức phổ thông.





Lịch sử Đức Phật Thích Ca

từ xuất gia đến thành đạo

và TƯ XUẤT GIA ĐẾN NHẬP DIỆT

1) THÁI TƯ XUẤT GIA

Nửa đêm mồng 8 tháng hai Thái Tư cùng Xa Nặc thắt ngựa Kiến Trắc, vượt cửa thành ra đi, Ngải đi đến sông A-Nô-Ma, rồi xuống lầy gươm cắt tóc giao cho Xa Nặc đem tất cả đồ trang sức và ngựa về cung tâu với phụ vương, để Phụ Vương rõ chí quyết định của Thái Tư. Rồi cởi áo đổi cho một người thợ săn, cương quyết đoạn tuyệt cuộc đời xa hoa vương giả, khọt chiếc áo hoại sắc, một mình một thân đi tìm Đạo.

được thần thông. Thái Tư nhận thấy tu theo khổ hạnh lên các cõi trời cũng sướng thật, nhưng hết phước rồi sẽ đọa vào nhẽ cõi đau khổ, chưa phải là Đạo chơn chánh giải thoát

b) Thái Tư hỏi Đạo lần thứ hai: Rồi Ngải, từ giữa các vị Tiên và đến phía Bắc thành Tỳ Xá Ly ở Đạo ông A-la-Lá tu về Số luân chuyển nghiệp tâu vào định số thiên v.v... sanh vào cõi trời vô tướng thời đặng giải thoát. Thái Tư cũng tu theo và cũng chùng đặng cõi trời Vô Tướng nhưng Ngải nhận thấy không phải là Đạo giải thoát, nên Ngải từ tạ ra đi.

2) THÁI TƯ HỎI ĐẠO,

Trước hết Ngải đi tìm hiểu và hành trì các Đạo đang lưu hành trong nước, tìm xem có Đạo nào là chơn - chánh giải thoát cho muôn loài.

c) Thái Tư hỏi Đạo lần thứ ba: Ngải đến hỏi Đạo ông Uất Đầu Lâm Phật, chuyên dạy các sự chấp trước có hình tướng hay không hình tướng đều sai lạc, chớ phải lãnh thọ cái nhiệm mầu của muôn vật mới được giải thoát và

a) Thái Tư hỏi Đạo lần thứ nhất: Thái Tư đi lần đến thành Vương Xá đến hỏi Đạo các vị Tiên ở rừng Bạt Già tu theo khổ hạnh để được làm Ma Vương, Thiên Thần,

sanh về cõi trời Phitường phi phi tường xứ, Thái Tử liền tu theo và chúng được quả Phi Tường Phi phi tường xứ, nhưng Ng ai cũng nhận rằng cõi ấy ch chưa phải là cảnh giải thoát.

3) THÁI TỬ TU KHỔ HẠNH

Thái Tử 3 lần hỏi Đạo , biết rằng những đạo hiện hành không có Đạo nào là chơn chánh giải thoát . Ngai tự nghĩ phải chính thân hành trì chuyên tu mới có thể tìm rõ Đạo cháh Ngai liền đến rừng Ưu - Lâu-Tân-Loa, phía Nam núi Tượng Đầu bên sông NiLiên Thuyền và bắt đầu tu khổ hạnh với năm người bạn là Kiều Trần Như, Ác Bệ , Thập Lịch Ca Diếp, Ma Ha Nam, Câu Ly và Bạc Đê Ngai tu trong 6 năm, c ứ ớ n g quyết hạnh hạ tự thân, ép xác đến nỗi mỗi ngày chỉ ăn một hột gạo một hột mè Ngai cũng tu khổ hạnh, c ờ gầy mòn ốm yếu đến n ớ i một ngày kia phải té xỉu chết giác. Khi Ngai tỉnh dậy, Ngai hiểu rằng hành hạ xác thân quá đáng kh ệ ích gì, người cầu đạo cần phải phát chiếu trí tuệ, mới mong được giác ngộ . Nghĩ thế Ngai nhất định ăn uống như thường , đ ể

giữ lại cái thân làm lợi khí trong công cuộc tìm đạo giải thoát. Năm người bạn đồng tu thấy vậy tuở Ngai thôi chí nên bỏ đi.

4) THÁI TỬ THAM THIÊN

Khi ấy một thiếu nữ tên Tu Xà Đê thấy Ngai n ấ m dưới gốc cây liền đem sữa dền dâng. Ngai dùng s ứ a xong, sức lực bình phục , rồi xuống sông Ni - Liên Thuyền tắm rửa sạch sẽ . Tắm xong, Ngai liền đ ế n dưới cây Bồ Đê, trải c ờ làm nệm và ngồi tĩnh tọa tham thiên luôn trong 49 ngày. Ngai th ế rằng: " Nếu ta không thành đạo chứng quả thì quyết tron đ ớ i không rời khỏi cây Bồ Đê này".

5) THÁI TỬ THÀNH ĐẠO

Ngai định tâm chuyên chú: nhất tâm mặc tướng thiên tu. Các Ma Vương sợ Ngai thành đạo sẽ giác ngộ cho mọi loài bèn rủ nhau đến quyen rử mê hoặc hại Ngai. Nhưng Thái Tử định l ự c cao cường, Ngai chiến thắng tất cả sự cám d ố của ma vương.

Đến đêm mồng tám t h áng

chạp, canh một Ngài chứng quả Túc mạng minh thầy ở kiếp trước của mình của người; canh hai chứng quả thiên nhãn minh giác ngộ hoàn toàn cùng khắp; canh ba chứng quả lậu tận minh diệt trừ hết thấy mê lầm vô thi. Đến lúc sao mai mới mọc, Ngài liền chứng đạo Vô thượng, thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Lúc bấy giờ quả đất đều rung động nhạc trời - chúc tụng, mưa hoa cúng dường.

6) ĐỨC PHẬT ĐI TRUYỀN ĐẠO

Khi Ngài mới chứng quả, Ngài còn ngần ngại chưa muốn đi truyền đạo ngay, vì sợ đạo Ngài sâu xa khó hiểu. Nhưng sau Ngài quán rõ căn cơ và ứng dụng các phương tiện, Ngài mới quyết đem Đạo Phật giáo hóa chúng sanh.

Trước hết Ngài đến vườn Lộc Uyển, thuyết pháp Bốn Đệ, độ cho bốn ông Kiều Trần Như, Bắt đầu từ đó mới có Phật Pháp Tăng ba ngôi báu.

trong 3 tháng, Ngài có hơn 60 đệ tử. Dưới đây là một vài Đệ Tử có danh, đức Phật đã giáo hóa trong khi đi truyền đạo:

- 1) Ông Ca Diếp vị Tổ Sư thơ lửa và các đồ đệ của ông.
- 2) Vua Tần Bà La Kiet Đà.
- 3) Ông Mục Kiến Liên thân thông đệ nhất và ông Xá Lợi Phật trí huệ bậc nhất
- 4) Ông Nan Đà, ông A Nan, ông Ưu Bà Ly và ông A Na Luật Đà.
- 5) Bà Di mẫu Ma-ha-ba-xà - ba-Đê là người đàn bà đầu tiên được Đức Phật cho vào Giáo Hội.
- 6) Ông Tu Bạt Đà La hơn 80 tuổi là vị đệ tử cuối cùng của Đức Phật.

Đức Phật thuyết pháp, giáo hoá hơn 49 năm, độ được hàng vạn ức đệ tử, không phân biệt giàu nghèo sang hèn. Ngài thường đi thuyết pháp trong chín tháng nắng, còn các tháng mưa thì ở lại Tịnh xá để chuyên tu.

7) ĐỨC PHẬT NHẬP NIẾT BÀN

Sau Ngài độ cho một thanh niên tên Da Xá và chỉ tr

Đến ngày trăng tròn tháng hai Âm Độ, Ngài biết mình

sắp nhập Niết Bàn, liền đi đến xứ Câu Ly, vào rừng Xá Nại, khiến treo vòng nơi hai cây song thọ. Ngài hội nhập các hàng đệ tử lại, giảng dạy khuyên bảo lần cuối cùng rồi từ già mọi người mà nhập Niết Bàn. Ngài hưởng thọ được 80 tuổi. Trước khi Ngài viên tịch Ngài phú chúc cho ông Ca Diếp thọ lãnh y bát của Ngài để truyền đạo

Đời Ngài từ lúc xuất gia đến lúc nhập diệt là cả một gương sáng tìm đạo, hành đạo, truyền đạo để cứu chúng sanh ra khỏi biển khổ. Ngài cương quyết đoạn tuyệt cuộc đời vương giả dần thân trong gian khổ để đi tìm đạo, rồi lại chuyên tu khổ hạnh hơn 6 năm, tham thiền trong 49 ngày, hành đạo cho đến ngày chứng quả; rồi lại đi thuyết pháp giáo hoá hơn 49 năm để truyền đạo cho chánh cứu khổ cho muôn loài.

8) KẾT LUẬN



Sự tích Đức Phật A Di Đà
— & *Đức Quán Thế Âm*

A - ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

1) Danh nghĩa Đức Phật A Di Đà - Đức Phật A Di Đà là một Đức Phật làm giáo chủ ở cõi tây phương cực lạc. Tên Ngài có 3 nghĩa:
a) Vô lượng quang: nghĩa là hào quang trí tuệ của Ngài vô lượng vô biên chiếu khắp các thế giới.
b) Vô lượng thọ: nghĩa là thọ mạng Ngài sống lâu không lường kể.
c) Vô lượng công đức: là Đức Phật A Di Đà làm những công đức to lớn không thể kể xiết.

2) Sự Tích Đức Phật A Di Đà - Theo kinh Đại A Di Đà, về thời Đức Phật Thế Tôn Tại Vương ra đời, có một vị quốc vương tên Kiều Thi Ca. Vua Kiều Thi Ca nghe Đức Phật thuyết pháp liền bỏ ngôi vua xuất gia làm vị tỷ kheo hiệu là Pháp Tạng. Một hôm Ngài đánh lễ Phật quy xuống chấp tay cầu Phật chứng minh và phát 48 lời nguyện. Do nguyện lực ấy sau này thành Đức - Phật A Di Đà.

Lại theo kinh Bi Hoa, về đời vua Chuyển Luân Thánh vương tên Vô Trách Niệm, có vị Đại Thần Bảo Hải. Vị này có người con tên là Bảo Tạng tướng tốt di thường, sau xuất gia thành Phật hiệu là Bảo Tạng Như Lai. Một hôm vua Vô Trách Niệm nghe Phật thuyết pháp liền phát tâm muốn cúng dường các món ăn uống y phục cho Đức Phật và Đại chúng luôn trong 3 tháng. Vị Đại Thần Bảo Hải khuyên Vua nên Phát tâm Bồ Đề cầu đạo vô thường. Vua liền nguyện sau này thành Phật sẽ làm giáo chủ một cảnh giới cực kỳ trang nghiêm thanh tịnh để giáo hoá chúng sanh. Vua Vô Trách Niệm phát nguyện xong, Đức Bảo Tạng Như Lai liền thọ ký cho Vua sau này sẽ thành Phật hiệu là A Di Đà và cõi nước của Ngài sẽ là cõi Cực Lạc Tây Phương. Vị Đại Thần Bảo Hải sau này cũng thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

3) HẠNH NGUYỆN ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ.

Đức Phật A Di Đà là gương sáng của hạnh thanh tịnh vĩ thân Ngài chói ngời hào quang thanh tịnh sáng suốt, cõi tịnh độ của Ngài

chói ngời các món trân bảo thanh tịnh sáng suốt và các chúng sanh ở trên cõi Cực Lạc hết thay đều thanh tịnh sáng suốt. Đức Phật A Di Đà có phát 48 lời nguyện rộng lớn cứu độ tất cả chúng sanh trong ấy có lời nguyện tiếp dẫn tất cả chúng sanh nào hướng niệm đến Ngài đều được vãng sanh lên cõi Cực Lạc. Ngài lại có nguyện nếu có chúng sanh nào niệm danh hiệu Ngài, đến 10 niệm Ngài cũng tiếp dẫn lên cõi cực lạc.

4) LÒNG QUY NGƯỠNG CỦA PHẬT TỬ

Nước Việt Nam phân đông theo Tông Tịnh Độ nên thờ tượng Đức Phật A Di Đà. Tượng Ngài đứng hoặc ngồi trên tòa sen, tay phải duỗi xuống phóng hào quang, tay trái để ngang bụng bắt ấn cam lồ. Tại các chùa, Đức Phật A Di Đà thờ chung với Đức Phật Thích Ca (bên phía tay mặt Đức Phật Thích Ca), và Đức Phật Di Lặc, có khi thờ một mình hay có Đức Quán Thế Âm bên tay trái và Đức Đại Thế Chí hầu bên mặt Ngài, hai vị này trở hoá cho Ngài bên cạnh cực lạc

Thường năm đến ngày 17-11 các Phật Tử làm lễ viếng Ngài. Trong khi gần 1 năm chung và khi đưa đám, hoặc khi cúng lễ thường niệm danh hiệu Ngài là hiệu thanh tịnh trong sạch để trừ những tà niệm, chuyển đổi cảnh đời ô trược thành cảnh giới thanh tịnh sáng suốt như cảnh giới Cực Lạc.

B - ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT.

a) Ý nghĩa tên Ngài. - Đức Quán Thế Âm là một vị Bồ Tát thường hay quán xét tiếng đau khổ chúng sanh để cứu giúp nên gọi Ngài là Quán Thế Âm; lại do Ngài quán sát tánh nghe mà giác ngộ tự tại cứu độ chúng sanh nên cũng gọi Ngài là Quán Tự Tại. Trong thời Đức Phật Thích - Ca Mâu Ni ra đời, Đức Quán Thế Âm thường trợ hoá cho Ngài cứu độ chúng sanh; Đức Quán Thế Âm cũng hay trợ hoá cho Đức Phật A - Di Đà ở cõi Cực Lạc, và thường hầu cận bên trái Đức Phật A Di Đà.

b) Lịch sử. - Kinh Bi Hoa chép rằng: về thời kiếp - quá khứ, Ngài Quán Thế Âm làm Thái Tử con vua Vô - Tránh Niệm, đồng nghe Đức

Phật thuyết pháp hiểu đạo lý, phát tâm Bồ - Đề quyết chí tu hành các hạnh Bồ Tát, mong sau thành Phật đặng cứu - độ chúng sanh. Vua cúng dường Đức Phật và Tăng chúng - luôn trong 3 tháng. Thái - Tử cũng cúng dường và cố gắng tu như vậy. Vua Vô - Tránh Niệm tu hành tinh tấn, đến khi công hạnh vẹn toàn thì thành Phật cõi Cực Lạc phương tây, hiệu là A Di Đà. Thái Tử cũng công hạnh đầy đủ, cũng sanh về cõi ấy thành Bồ - Tát hiệu là Quán Thế Âm, đang cùng với Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sanh về cõi Phật.

3) HẠNH NGUYỆN CỦA NGÀI

Trong kinh Phổ Môn, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có nói về hạnh nguyện của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là cứu độ chúng sanh thoát khỏi 3 tánh tham, sân si, nếu chúng sanh niệm đến danh hiệu Ngài. Đức Quán Thế Âm lại thường hiện thân vào tất cả từng lớp chúng sanh để cứu vớt chúng sanh thoát khỏi các nạn tai ách. Hạnh - nguyện của Đức Quán Thế Âm là Đại Tử Đại Bi cứu khổ nạn cho chúng sanh, nên Đức Quán Thế Âm là tượng trưng

cho hạnh Tử Bi và tất cả chúng sanh thường niệm - danh hiệu Ngài là Nam Mô Đại Từ Đại Bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát, hay Nam Mô Đại Từ đại bi Phụ linh cảm ứng Quán Thế Âm Bồ Tát.

4) LÒNG QUY NGƯỞNG CỦA PT.

Vì Đức Quán Thế Âm có nhân duyên cơ cảm v ở i chúng sanh ở cõi Diêm - Phù Đề này, nên Ngài rất được tôn thờ. Một khi có tai nạn gì xảy ra, mọi người liền niệm danh hiệu Ngài để nhớ Ngài cứu độ. Trong những thời kỳ binh đao, tai nạn, mọi người thường hay ấn tống tượng Ngài để thờ hoặc để đeo.

Người ta thường hay vẽ tượng Ngài bằng hình dáng phụ nữ tượng trưng cho lòng thương không bỏ bên của Ngài, bà mẹ hiền của chúng ta. Ngài cầm nhánh - đường chi để tiếp dẫn chúng sanh và bình nước cam lồ để rưới tất phiến não, đem lại nước trong mát cho mọi loài. Người ta lại vẽ Ngài đi trên hoa sen giữa bể cả ba đảo, tỏ rằng trong bể khổ sóng, gió, Đức Quán Thế Âm bao giờ cũng gần gũi chúng - sanh, cứu vớt chúng sanh

bằng hoa sen tử bi ngát - hương chơn lý. Có khi v ế Ngài ngồi ở pháp tòa trng rừng trúc, hình dung Ngài ở núi Phô Đà thường nhập định, đồng thời tùy duyên thuyết pháp độ chúng sanh tùy duyên ứng thân - thuyết pháp mà vẫn không rời pháp tòa tự giác vậy. Hình ảnh này và hình ảnh cổ Thiên Tài, Long - Nữ đứng hầu là tượng trưng - cho phẩm hạnh đồng chơn của Đức Quán Thế Âm, nghĩa là hạnh hoa sen tr trong sạch giữa bùn lầy ô trược, như tâm hồn tuổi trẻ trước cảnh sắc mê hoặc. Trong một năm có ba ngày vía lớn của Ngài là ngày 19 tháng 2, 19 tháng 6, 19 tháng 9.

Người Phật Tử chơn chánh niệm Đức Quán Thế Âm là luôn luôn theo hạnh Tử Bi của Ngài mà cứu độ cho tất cả chúng sanh đau khổ, làm tất cả hạnh lành đâu phải gặp những gian nan đau khổ.



Tin tức

Ngày 5.10.80 Quý Đại Đức Thích Giác Minh (Aachen) Đại Đức Thích Minh Thân (Berntrup) Thầy Thích - Thiện Tâm, cô Diệu Ân, Thâ Thầy Minh Phú, cô Minh - Loan (Münnerstadt) đã về trụ sở của chi bộ PGVNTD chùa Viên Giác để họp CB bàn thảo một số vấn - đề rất quan trọng trong sự hành đạo và truyền - đạo ở xứ Đức, đồng thời Chi - Bộ cũng đã thông qua một bản nội quy để làm phương châm hoạt động cho Chi - Bộ bấy giờ cũng như mai hậu. Chi Bộ PGVNTD cũng đã được chính quyền Đức chính thức công nhận trg việc tu học cũng như hướng dẫn đời sống tinh - thần của đồng bào Phật Tử VN tại Quốc độ này.

Chính quyền Tây Đức đã đồng ý cho người Việt Nam thiết lập một trung - tâm Văn Hóa tại Bonn nhằm mục đích bảo tồn và phát huy văn hoá Việt Nam tại đây dưới sự tài trợ của Bộ N. Vụ Liên Bang. Hội Sinh - Viên và Kiều Bào Phật Tử VN tại Tây Đức cũng đã tham gia, đóng góp chương trình này.

Đề phát huy tinh thần Đạo Phật khắp mọi nơi t r ể i hoàn vũ và củng cố thế theo lời mời của một số quý vị Phật Tử Đạo tâm ở Pháp và Tunisie (Bắc Phi Châu) nên Đại Đức Chi Bộ Trưởng CB PGVNTD đã đi đến Bắc Phi trong thời gian 2 tuần lễ để hành đạo tại xứ này.

Rằm tháng 10 năm nay được Đại Đức Thích Giác Minh ở Aachen tổ chức một cách trọng thể. Quý Thầy và Quý Ni cô trong CB cũng đã đến tham dự trong ngày lễ trên.

Đáp lời mời của đồng bào Phật Tử Việt Nam tại Úc, tại Thụy Sĩ cũng như sẽ cùng Đại Đức Thích Minh Tâm (Pháp) sang Ý để hành đạo, D.Đ. CBTCB PGVNTD cũng sẽ có mặt trong những nơi trên vào những ngày tháng trong cuối năm này và đầu năm dương lịch.



Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức năm nay có phát hành 7 loại carte hình mẫu có tính cách Việt Nam để chúc Tết hoặc chúc lành trng khi có hiệu hỷ. Mỗi thiệp phát hành giá 1,DM. Quý vị nào muốn có những loại carte trên xin vui lòng liên lạc về chùa hay anh Nguyễn Ngọc Tuấn - Cosmae Kirchof 2,2160 Stade để nhận thiệp.

CHÚC MỪNG

Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức thành thật chia vui cùng anh

NGUYỄN HỮU LỘC PD THỊ HIÊN
nguyên phó trưởng ban văn nghệ Hội SV và KBPTVNTĐ

và chị HOÀNG THỊ HỢI PD THỊ TRÍ
trọn đời bền duyên cầm sắt, loan phụng hòa minh.

CẢM TẠ

Chùa cũng xin cảm tạ tất cả những tổ chức, những Hội Đoàn bạn... đã gởi sách báo, tài liệu v.v... và mong được liên lạc thường xuyên với Quý Vị.

Chúc Lành

Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại TD cũng xin chúc mừng tân Ban Chấp hành Hội người V Việt ty nạn cộng sản tại Tây Đức trong nhiệm - kỳ mới hoạt động thật hăng say và hy vọng sẽ thành - công nhiều trên mặt trận ngoại giao để thâu ngắn đường về Tô Quốc.



Hội Trì Tam Bảo

Phương danh Qui vị Phật Tử | hộ trì Tam Bảo,

hùn phước in kinh ấn tống, in sách báo, phương tiên đi chuyên, sinh hoạt của chùa cũng như ủng hộ định kỳ hằng tháng cho việc thuê mướn Niệm Phật Đường trong thời gian qua.

Phương tiên đi chuyên:

Đạo Hữu Huỳnh Hồng Giao (Canada)
 Đh Hồ Văn Nguyên (Pháp)
 Đh Nguyễn Thị Nga (")
 Đh Hồ Hoàng Đảnh (Tunésie)

Đh Nguyễn Thị Nga (Pháp)
 Đh Đinh Thị Hợi (Aachen)
 Đh Huệ Hoà (Pháp)
 Đh Diệu Đức (")
 O.B. Trục (")
 O.B. Trường (")
 Đh Vô danh (")
 Đh Trần Thị Lộc (")
 Đh Lê Thị Đều (")
 Đh Diệu Trí (")
 Bà Thanh (")
 Cụ Diệu Ngọc (")
 Đh Đoàn T.T. Tú (")
 Cụ Vĩnh Dự (")
 Bà Giáo Sáu (")
 Đh Võ Thị Sáu (Đức)
 Đh Lục Thị Tinh (Đức)

In kinh sách ấn tống:

Pt Trưởng Tân Lộc (Hagen)
 Đh Lục Thị Tinh (Wiesden)
 Đh Đoàn Hoà (Bi)
 Đh Đoàn T. Thanh Tú (Pháp)
 Đh Thân Trọng Lạc (")
 Pt Đặng Trình W. (München)
 Đh Nguyễn Thị Tốt (Texas)
 Đh Tào Văn Trạch (Pháp)

ủng hộ định kỳ

Ủng hộ bất định kỳ:

Đh Vô Danh (Norden)
 Đh Nguyễn Thị Tốt (Texas)
 Đh Dương Văn Phường (Essen)
 Đh Nguyễn T. Long (G Mhütte)
 Đh Tôn Thị Mai (")
 Đh Trần Đức Phát (")
 Pt Triệu Thị Bé (Rothenb.)
 Đh Hà Thị Định (Celle)
 Đh Nguyễn v. Phong (Hildesh)

- 1) A. Lê Huy Cát (Bergen)
- 2) " Lâm Đ. Châu (Hannover)
- 3) " Ngô Ngọc Diệp (")
- 4) Cô Nguyễn t. Tư (Kiel)
- 5) Chi Soan (")
- 6) A. Văn C. Trâm (")
- 7) Chi Nguyễn T. Đẹp (Neu.)
- 8) Chi Nguyễn t. Hạnh (Braun)
- 9) Anh Vương Đ. Mẫn (Kiel)
- 10) A. Phạm C. Hoàng (Brem.)
- 11) A. Nguyễn N. Tuấn (Stade)
- 12) A. Trần Minh San (Hil.)

- | | |
|-------------------------------|-----------------------------|
| 13) A. Nguyễn v. Vân (Hilde.) | 19) A. Bùi h. Tường (Münst) |
| 14) A. Trương v. Giáo (Kobl.) | 20) Bà Nguyễn T. Tuy (Rec) |
| 15) A. Lê Văn Hồng (Lohr) | 21) A. Trần v. Trường (Sch) |
| 16) A. Đinh N. Bình (Mülh.) | 22) A. Mai Vi Phúc (Dören) |
| 17) Đh Dương v. Phương (Ess) | 23) Đh Vũ Văn Hà (Paris) |
| 18) A. Phạm v. Phụng (Hildes) | 24) Mme Grimaldi (Pari) |

thông tin



Chùa Khánh Anh (Pháp) và chùa Viên Giác (Tây Đức) dự định cho tái xuất bản quyển PHẬT HỌC TỰ ĐIỂN của tác giả Đoàn Trung Còn dày khoản 2.300 trang, trong đó có giải thích thêm bằng tiếng Pháp, Anh, Nhật, Hán ngoài những danh từ Phật Giáo thông dụng bằng Việt-Ngữ độ chừng 1.000 bộ và phí tôn in để ấn tống độ chừng 120.000 quan Pháp (mỗi) bằng khoản 50.000 DM. Gia Đình ông bà Hồ Văn Nguyên và Bác Sĩ Hồ Hoàng - Đảnh (ở Pháp và Tunisie) đã phát tâm cúng dường nửa phần phí tôn trên. Phần còn lại xin kêu gọi toàn thể quý thiện nam tín nữ cũng như đồng bào Phật Tử các giới nên hùn phước để ấn tống bộ Đại Tự Điển trên. Công đức thật vô lượng vô biên. Quý vị ở Pháp có thể liên lạc thẳng với ông bà Hồ Văn Nguyên hoặc chùa Khánh Anh số 14 Ave. Henri Barbusse, 92220 Bagneux. Tél. 655.8444. Nếu Quý vị ở Tây Đức xin liên lạc về chùa Viên Giác Kestnerstr. 37, 3000 Hannover 1. Tel. 0511-812891.

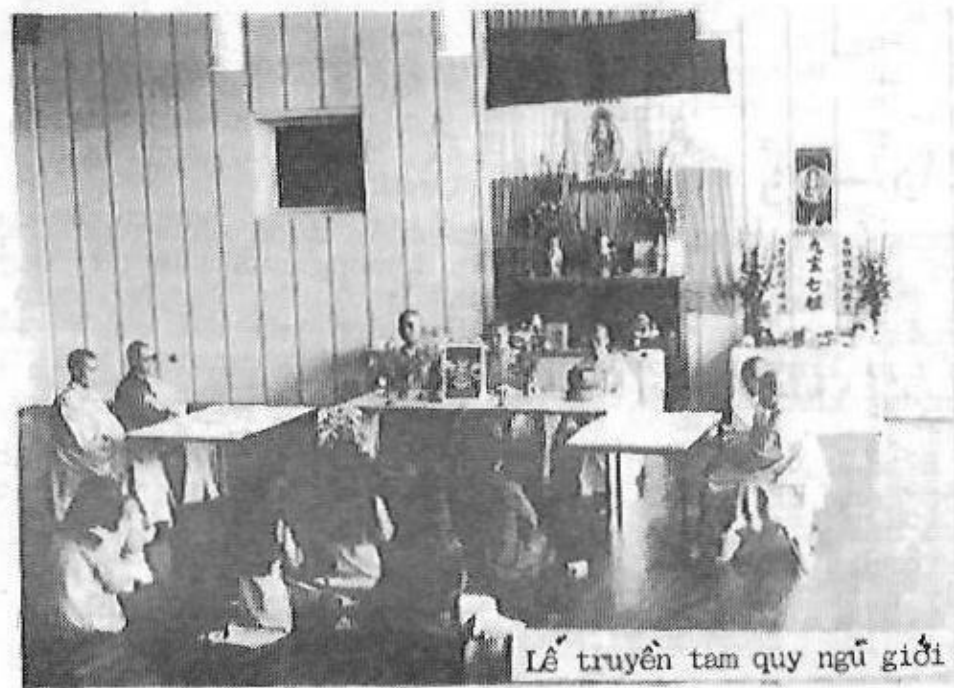
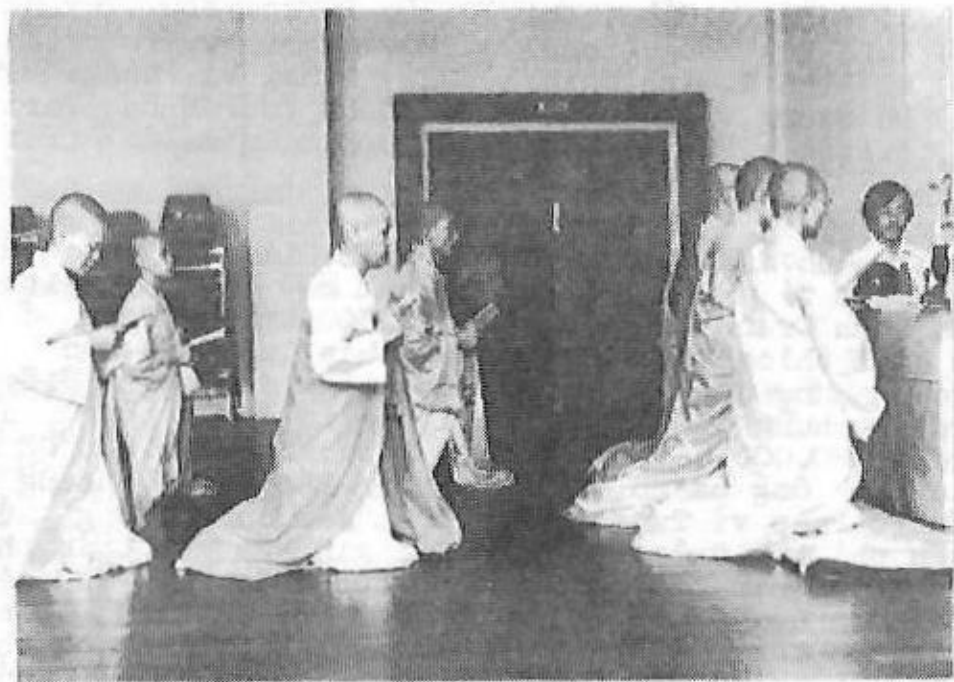
CAM TẠ



Trong thời gian qua chùa đã nhận được những sự hỗ trợ hăng thẳng cũng như bất thường của tất cả Quý vị Phật Tử khắp nơi trên thế giới như Đức, Mỹ, Pháp, Tunisie....xin hồi hướng công đức tài thí của tất cả chư liệt vị được thân tâm thanh tịnh, trí huệ thường khai. Bồ đề tâm mãn nguyện. *thông tin*

♣ Bắt đầu từ số báo sang năm Viên Giác sẽ cải thành một dạng thức mới, sẽ có nhiều tài liệu biên khảo c phu của giáo sư Nguyễn, cụ Nguyễn Doãn Cam Lộ ở California cũng như của nhà văn Mai Vi Phúc và nhiều cây bút tên tuổi khác.

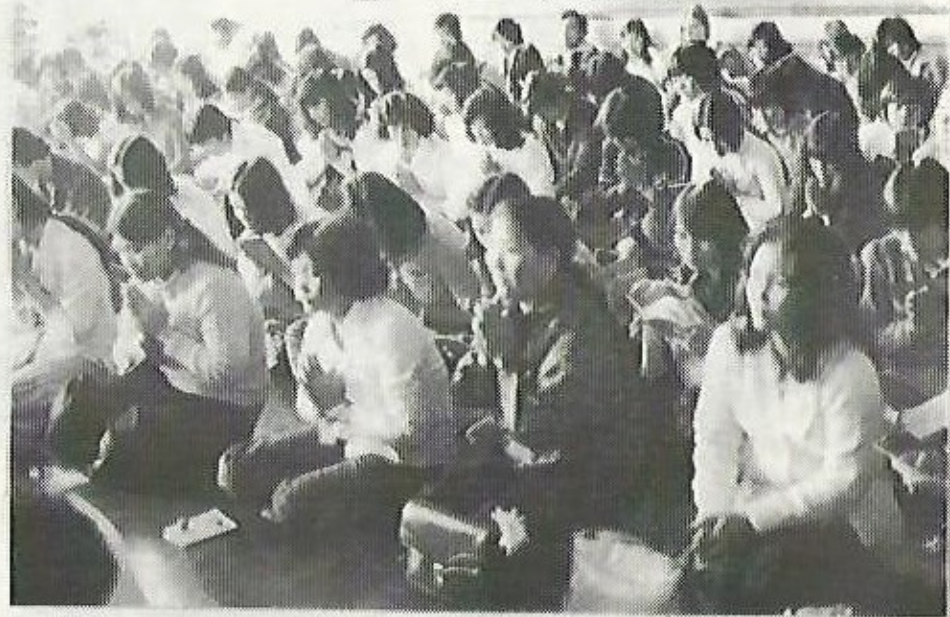








Lễ Vu Lan 2524 năm tại Hannover ..





Chợt ảnh của cố Hòa Thượng Thích Thiện Ân
tại Trung Tâm Quốc Tế Thiên Viện vào năm
1971 . Los Angeles California , USA

MỤC LỤC

Trong số này	trang
Lời đầu.....Ban Biên Tập	
Thiền Học.....	01
Ngon Bắc Xoay Chiều.....	07
Chiều Hội Gió.....	13
Tự Thú.....	14
Bất Lực.....	15
Truyện cổ nước Tây.....	17
Tướng trình sinh hoạt Lê Vu Lan.....	23
Ba mẫu chuyện Đạo.....	25
Ba chuyện tiên thân.....	29
Ghi lại một cuộc hành trình.....	49
Trang giáo lý Gia Đình Phật Tử.....	66
Tin tức.....	74
hình ảnh sinh hoạt.....	78

+++++

Chủ nhật thứ nhất và chủ nhật thứ ba trong mỗi tháng tại chùa có cử hành lễ cầu an, cầu siêu, Pháp Hoa, Sám hối, Giáo Lý v.v.

Quý vị Đạo Hữu cũng như Quý Phật Tử nào muốn trí - linh cho những hường linh quá vãng tại chùa cũng như muốn thnh thỉnh những pháp bảo như kinh Nhật Tụng, Kinh Vu Lan, Bạch Y Thần Chú cũng như những ảnh Phật.....Mọi chi tiết xin liên lạc về chùa Viên Giác Kestnerstr. 37, 3000 Hannover1 West Germany Tel. 0511-812891.

Mọi sự cúng dường cũng như ủng hộ báo Viên Giác Quý - vị có thể gởi thẳng về chùa hay qua ngân hàng Deutsche Bank Hannover .Konto NO 8650228 Bankleitzahl 25070070(Thích Như Điện).

Xin thành thật cảm ơn tất cả chư liệt vị.